

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021
của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu
quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

Thực hiện Công văn số 349/ĐGS-DT ngày 07/12/2022 của Đoàn giám sát Quốc hội khóa XV về việc báo cáo việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

**I. VIỆC BAN HÀNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỂ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN
MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

1. Những kết quả đạt được

- Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh (gọi tắt là Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) đã chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan tham mưu, đề xuất Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành đầy đủ các giải pháp, cơ chế, chính sách trong quản lý, chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đảm bảo kịp thời, phù hợp với các quy định của Trung ương và điều kiện triển khai thực tế tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (*01 Nghị Quyết của Tỉnh ủy, 01 Kế hoạch của Tỉnh ủy, 07 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 03 Kế hoạch của UBND tỉnh, 20 Quyết định của UBND tỉnh và nhiều văn bản chỉ đạo điều hành khác*), trong đó có một số văn bản quan trọng, như sau:

- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 13/4/2022 của Tỉnh ủy về Kế hoạch tổ chức Hội nghị chuyên đề Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011 và triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND

ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về việc quy định mức vốn đối ứng từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2022 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”; Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025.

- Các Sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã có báo cáo kết quả thực hiện, chủ động rà soát, xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu được phân công phụ trách thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cấp huyện và xã đều có Nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động về xây dựng nông thôn mới (NTM) và nhiệm vụ xây dựng NTM vào Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, với mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Các địa phương đã kịp thời ban hành cơ chế, chính sách riêng để đẩy nhanh tiến độ và thực hiện có hiệu quả Chương trình.

Nhìn chung, tỉnh Đắk Lắk đã kịp thời ban hành, hoàn thiện khung văn bản pháp lý để triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

(Chi tiết như các phụ lục kèm theo)

2. Những khó khăn

Đến quý III, IV năm 2022, các Bộ ngành Trung ương mới cơ bản ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình nên thời gian còn lại là rất ít để các Sở, ngành của tỉnh nghiên cứu, xây dựng các văn bản hướng dẫn, áp dụng vào thực tiễn của địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 12/2022

1. Về công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện Chương trình

- Để thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch về công tác truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh. Từ đó, đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, vận động hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình trong đó tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về xây dựng nông thôn mới thông qua các hình thức đa dạng, phong phú (*trên các phương tiện thông tin đại chúng, panô, khẩu hiệu, tổ chức hội nghị, hội thảo, ...*). Duy trì hoạt động thường xuyên trang thông tin điện tử (website) Chương trình nông thôn mới của tỉnh (*tại địa chỉ <https://nongthonmoi.daklak.gov.vn/>*).

- Các cơ quan chính quyền các cấp của tỉnh tiếp tục tích cực tổ chức quán triệt về mục đích, nội dung của chương trình. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể tiếp tục vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện chương trình. Công tác tuyên truyền tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh, đã vận động các tầng lớp nhân dân ở nông thôn tham gia thực hiện Chương trình NTM gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động của các hội, đoàn thể, như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi”, “Nông dân Đắc Lắc chung tay xây dựng NTM”, “Dân vận khéo”, “Tuổi trẻ chung tay xây dựng NTM”, mô hình “5 không, 3 sạch”, “Phụ nữ chung tay xây dựng NTM”, “Lực lượng vũ trang tỉnh chung sức xây dựng NTM”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”... Các cơ quan truyền thông báo chí Trung ương và địa phương đã tích cực thông tin, tuyên truyền về xây dựng NTM; về các mô hình hay, cách làm tốt, gương điển hình trong triển khai thực hiện Chương trình, với nhiều hình thức như tin, bài, chuyên mục, phim phóng sự... Phối hợp với các Tạp chí, báo in... trực tiếp tuyên truyền về các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế khi tham gia OCOP của tỉnh.

- Phong trào thi đua “Đắc Lắc chung sức xây dựng nông thôn mới” tiếp tục

được hưởng ứng và triển khai mạnh mẽ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố theo Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh. Từ đó, nhận thức của cán bộ và người dân về nông thôn mới đã có chuyển biến tích cực rõ rệt. Đại bộ phận nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia góp tiền, nhân công, giải phóng mặt bằng cùng với hỗ trợ của nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn khang trang, sạch đẹp và văn minh.

2. Về việc kiện toàn, thành lập hệ thống bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình các cấp

Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, cấp huyện, Ban Quản lý xã và cán bộ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới ở xã thường xuyên được kiện toàn và bố trí cán bộ nhiệt huyết, đủ năng lực chuyên môn để tham mưu công tác chỉ đạo, quản lý và triển khai thực hiện Chương trình có hiệu quả:

- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG: Thực hiện Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tiến hành kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tại địa phương (*Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND huyện Ea H'leo; Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND huyện Cư Kuin; Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND huyện Krông Ana...*) và ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk; trong đó: kiện toàn lại Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp, đảm bảo có đủ số lượng cán bộ có năng lực và có trình độ, bao gồm: 01 Chánh Văn phòng (*do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm*), 01 Phó Chánh Văn phòng chuyên trách, 01 Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm (*do Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn kiêm nhiệm*), 02 phòng chuyên môn (*phòng Hành chính – Nghiệp vụ và phòng Kế hoạch - Tổng hợp*), 01 Tổ OCOP, đã ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện: 15/15 các huyện, thị xã, thành phố đều thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới từ giai đoạn 2016 - 2020 và thường xuyên được kiện toàn theo Công văn số 8954/UBND-TH ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh, có ban hành quy chế hoạt động để tham mưu Ban Chỉ đạo cấp huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình nông thôn mới.

- Cấp xã: 152/152 xã đã thành lập, thường xuyên kiện toàn Ban Quản lý các Chương trình MTQG và bố trí công chức chuyên trách về Chương trình nông thôn mới.

- Công tác phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT (*cơ quan chủ trì Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh*), Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, thường xuyên phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố để tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, quản lý điều hành, triển khai có hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh và đã hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng như: công tác tổ chức Hội nghị chuyên đề Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011, triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân khai kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình nông thôn mới; kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới; đôn đốc và phối hợp thành phố Buôn Ma Thuột, một số sở, ngành về hoàn thiện hồ sơ trình cho Trung ương đề nghị công nhận thành phố Buôn Ma Thuột hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; công tác xây dựng, thẩm định và phê duyệt Đề án Chương trình OCOP, Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; công tác thẩm định, công nhận và tham dự Lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua "Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021 - 2025; hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình nông thôn mới hàng năm...

3. Về công tác lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh hướng dẫn các đơn vị và địa phương để xây dựng kế hoạch về mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phân bổ vốn (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hàng năm.

Về căn cứ pháp lý: Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình MTQG; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 02/11/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk Lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với một số Sở,

ngành để thành lập Đoàn công tác kiểm tra một số địa phương có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (*trong đó: xác định cụ thể vốn đối ứng của cấp huyện và cam kết không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*) và xây dựng dự kiến về mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh xem xét.

4. Về kết quả thực hiện Chương trình

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: đến tháng 12/2022, lũy kế toàn tỉnh có 71 xã đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (*tăng 05 xã so với tháng 7/2021*), có 08 xã đang lập hồ sơ trình xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, bình quân đạt 15,93 tiêu chí/xã (*tăng 0,41 tiêu chí/xã so với tháng 7/2021*);

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: đến tháng 12/2022, lũy kế toàn tỉnh có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột*).

- Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới: đến tháng 12/2022, lũy kế toàn tỉnh có 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (*thành phố Buôn Ma Thuột đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 24/6/2022*), giảm 01 đơn vị so với tháng 7/2021 là thị xã Buôn Hồ. **Lý do:** Quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 có yêu cầu cao hơn giai đoạn trước (*có ít nhất 01 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao, 100% số phường đạt chuẩn đô thị văn minh...*) nên thị xã Buôn Hồ chưa đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh.

- Kết quả thực hiện các nội dung thành phần (kết quả cụ thể của các nội dung trong nội dung thành phần; phân tích những khó khăn, vướng mắc trong việc hướng dẫn và triển khai thực hiện các nội dung, khả năng hoàn thành mục tiêu đến năm 2025) theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa (03 nội dung);

a) Quy hoạch chung nông thôn:

Đến tháng 12/2022, các địa phương đã thực hiện lập nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn với kết quả như sau:

- Số huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát: 14/15 (chiếm tỷ lệ 93,3%) địa phương (*huyện Krông Năng đang triển khai kế hoạch lập quy hoạch các xã trên địa bàn huyện*).

- Tổng số xã đã phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã (đến 30/12/2022): 26/152 xã (chiếm tỷ lệ 17,1%).

b) Quy hoạch vùng huyện:

Đến tháng 12/2022, có 04 địa phương triển khai thực hiện gồm:

- Huyện Cư M'gar: Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 21/8/2020. Đến nay UBND huyện Cư M'gar đã trình Sở Xây dựng thẩm định (12/2022).

- Huyện Krông Ana: UBND tỉnh đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 01/8/2022, UBND huyện Krông Ana đang triển khai lập đồ án.

- Huyện Cư Kuin và huyện Krông Pắc đã được UBND tỉnh thống nhất chủ trương lập quy hoạch vùng huyện tại Công văn số 7730/UBND-CN ngày 13/9/2022, hiện nay đang thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch.

c) Đánh giá quy hoạch, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân:

- Quy hoạch chung nông thôn đạt phần lớn được lập và phê duyệt với giai đoạn 2010 - 2020. Đến nay, đã quá thời hạn quy hoạch. Triển khai rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch nông thôn theo Luật Xây dựng năm 2014 cho giai đoạn tiếp theo (sau năm 2020) đang được UBND các xã đồng loạt triển khai trên tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh nên khó khăn về nguồn lực thực hiện, thời gian, trình tự tổ chức lập quy hoạch. Vì vậy, trong giai đoạn 2021 - 2022, tỷ lệ rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã đạt thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

- Quy hoạch vùng huyện tuy được triển khai từ năm 2020, nhưng chưa có địa phương nào hoàn thành. Khó khăn trong nguồn lực thực hiện. Đơn cử huyện Cư M'gar, do khó khăn kinh phí lập quy hoạch nên gia hạn nhiệm vụ nhiều lần, ảnh hưởng đến kế hoạch công nhận huyện nông thôn mới.

- Công tác tổ chức công khai quy hoạch chưa kịp thời, chế độ thông tin báo cáo còn hạn chế, chưa tạo được chuyển biến sâu rộng trong xã hội về định hướng phát triển quy hoạch nông thôn mới.

- Đối với các xã thuộc danh mục phát triển đô thị mới (định hướng thành lập thị trấn thuộc huyện trên cơ sở xã hiện tại) công tác triển khai giữa quy hoạch chung xây dựng nông thôn cùng đồng thời với quy hoạch đô thị mới còn gặp khó khăn, do các quy định pháp luật chưa hướng dẫn nội dung này.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 145 xã đạt tiêu chí số 1, đạt tỷ lệ 95,4% (giảm 07 xã so với tháng 7/2021).

+ Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền (10 nội dung);

* Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện.

Về chỉ tiêu đạt được các loại đường theo Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh cập nhật đến thời điểm hiện nay cụ thể như sau:

- Đường xã 2.735,9km, đã được nhựa hóa, bê tông hóa 1.982,69 km đạt tỷ lệ 72,47%.
- Đường thôn, buôn và đường liên thôn, buôn 4.244,8km, đã được cứng hóa 2.760,4km đạt tỷ lệ 65,03%.
- Đường ngõ xóm 4.913,5km, được sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 2.754,3km đạt tỷ lệ 56,06%.
- Đường trục chính nội đồng 4.101,7km, được đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 1.778,3km đạt tỷ lệ 43,35%.
- Khó khăn, vướng mắc:

Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 mới được ban hành nên địa phương còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện, đồng thời rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn của các xã trên địa bàn, cập nhật kết quả thực hiện tiêu chí giao thông và đề xuất nhu cầu kinh phí để thực hiện còn quá chậm làm ảnh hưởng đến quá trình triển khai xây dựng các Chương trình MTQG nói chung và xây dựng NTM nói riêng. Theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, một số xã đã đạt tiêu chí số 02 ở giai đoạn 2016 - 2020 nhưng theo bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025 là chưa đạt. Vì vậy các địa phương thực hiện rà soát, khắc phục để giữ vững danh hiệu đạt chuẩn NTM, trường hợp không đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí và đủ điều kiện thu hồi Quyết định công nhận, thực hiện theo hướng dẫn của VPĐP để thu hồi Quyết định công nhận.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 106 xã đạt tiêu chí số 2, đạt tỷ lệ 69,7% (tăng 07 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, cấp huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Thủy lợi:

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 855 công trình thủy lợi, trong đó có 618 hồ chứa, 159 đập dâng, 76 trạm bơm và 02 tuyến đê bao. Tổng chiều dài kênh mương các công trình thủy lợi trên địa bàn 2.427,60 km (trong đó kênh loại I: 187 km, kênh loại II: 726,6 km, kênh loại III: 1.514 km), chiều dài kênh mương đã được kiên cố là 1.593,63 km (kênh loại I: 187 km, kênh loại II: 616,25 km, kênh loại III: 790,29 km) đạt 65,64%, chiều dài kênh mương chưa được kiên cố là 834 km (kênh loại II: 110 km, kênh loại III: 724 km), chiếm gần 35%.

Tổng diện tích cây trồng được tưới hơn 262.339 ha; trong đó, diện tích tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi 150.116 ha (tưới lúa Đông Xuân 37.184 ha, tưới lúa Mùa 50.466 ha, tưới cà phê 58.306 ha, tưới hoa màu và cây khác 4.160 ha). Diện tích tưới do tạo nguồn hỗ trợ và các hình thức công trình khác khai thác nước tưới từ các nguồn nước mặt sông suối, ao và nước ngầm tưới cho khoảng 112.223 ha.

Thời gian qua, Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương đã tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển thủy lợi; công tác phổ biến, tuyên truyền và triển khai tưới tiên tiến, tiết kiệm nước được chú trọng; thường xuyên kiểm tra, đánh giá khối lượng nước hữu dụng của toàn bộ hệ thống hồ, đập để có kế hoạch đóng, mở nước phù hợp, có kế hoạch luân phiên điều tiết nước hợp lý.

b) Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện tiêu chí “Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ” thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk để các địa phương triển khai kịp thời; lồng ghép nội dung hướng dẫn thực hiện tiêu chí trong các Hội nghị tập huấn về phòng chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổ chức.

- Hỗ trợ trang thiết bị, vật tư cho Đội xung kích Phòng, chống thiên tai xã Ia Rvê, huyện Ea Súp để thực hiện mô hình điểm về xây dựng lực lượng trong phòng, chống thiên tai. Số kinh phí huy động được khoảng 66 triệu đồng.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 139 xã đạt tiêu chí số 3, đạt tỷ lệ 91,4% (tăng 11 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 03: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng hệ thống điện nông thôn tại các xã:

+ Kế hoạch xây dựng hệ thống điện nông thôn: Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Công Thương đã đề xuất và xây dựng kế hoạch đầu tư lưới điện theo chương trình cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia cho các thôn, buôn chưa có điện giai đoạn 2021-2025. Trong đó, các huyện, xã đã được rà soát, lập Đề án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại địa phương trong đó có lồng ghép phần lưới điện (tiêu chí số 4). Trong thời gian tới, khi Chính phủ, các Bộ ngành tiếp tục bố trí nguồn vốn thì Sở Công Thương sẽ tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

+ Mặt khác, Sở Công Thương thường xuyên theo dõi, đôn đốc ngành điện (Công ty Điện lực Đắk Lắk), các tổ chức quản lý điện nông thôn (các HTX điện) tranh thủ mọi nguồn vốn để đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống lưới điện nhằm đạt mục tiêu về tiêu chí số 4 của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Công tác tổ chức, quản lý điện nông thôn: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 05 HTX điện đang hoạt động bán lẻ điện trên địa bàn 08 xã, cụ thể: tại huyện M’Đrăk có HTX kinh doanh điện nước huyện M’Đrăk bán điện cho 04 xã thuộc huyện; tại huyện Krông Pắc có 04 HTX điện kinh doanh bán điện cho 04 xã, gồm: Krông Búk, Ea Kuăng, Tân Tiến và Ea Phê.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 139 xã đạt tiêu chí số 4, đạt tỷ lệ 91,4% (tăng 05 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đầu năm học 2021-2022, toàn tỉnh có 1.020 trường từ mầm non đến trung học phổ thông và 245 cơ sở mẫu giáo độc lập tư thục; có 15.682 lớp, nhóm trẻ; có 471.983 học sinh, trẻ mầm non. Quy mô, mạng lưới trường lớp học từ mầm non đến phổ thông phát triển, nhất là hệ thống các trường ngoài công lập đã góp phần bảo đảm nhu cầu học tập của con em các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Đề án sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh, đã quy hoạch, sắp xếp, sáp nhập các trường, điểm trường theo hướng tinh gọn; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập. Đã sáp nhập được 39 trường (06 trường mầm non, 33 trường tiểu học) và xóa bỏ được 143 điểm trường (102 điểm trường mầm non, 41 điểm trường tiểu học).

Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương, đơn vị tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia nhằm bảo đảm kế hoạch đề ra; tham mưu UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra, đề nghị công nhận và công nhận lại các trường đạt chuẩn Quốc gia khi đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả: hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: có 554/1021 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 54,26% (chỉ tiêu 50%) trong đó: Mầm non: 118/329 trường (tỷ lệ 35,5%); Tiểu học: 261/396 trường (tỷ lệ 65,9%); THCS: 142/235 trường (tỷ lệ 60,4%); THPT: 24/58 trường (tỷ lệ 41,4%).

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 119 xã đạt tiêu chí số 5, đạt tỷ lệ 78,3% (tăng 06 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, cấp thôn, các Trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn.

Cơ sở vật chất văn hóa, thể thao ở cơ sở đã được quan tâm đầu tư xây dựng, hiện nay, có 61/152 xã có Nhà Văn hóa, Thể thao theo quy định, có 1.858/2.080 thôn, buôn có Hội trường và Nhà văn hoá cộng đồng (trong đó: 1.305/1514 thôn, 553/566 buôn). Góp phần đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giao lưu văn hóa, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo văn hóa, giải trí và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 90 xã đạt tiêu chí số 6, đạt tỷ lệ 59,2% (tăng 04 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 06: Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối, trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại.

- Công tác lập quy hoạch hệ thống thương mại, cơ sở hạ tầng thương mại của địa phương: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Công Thương đã phối hợp với cơ quan chủ trì (Sở Kế hoạch đầu tư) về lập Quy hoạch chung của tỉnh thực hiện các góp ý về cơ sở hạ tầng thương mại của tỉnh, của huyện nhằm định hướng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại phù hợp với từng địa bàn, từng khu vực.

- Đánh giá kết quả công tác huy động nguồn vốn đầu tư nâng cấp, cải tạo chợ đạt chuẩn; vốn xây mới chợ; vốn đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý chợ và các hộ kinh doanh trong chợ:

+ Thực hiện chương trình nông thôn mới, thực hiện Nghị định số 02/2003/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, đối với tiêu chí số 7, các huyện đã tích cực triển khai công tác lập quy hoạch phát triển hệ thống chợ nông thôn mới đến từng xã, phù hợp với quy hoạch chung về chợ của tỉnh. Một số huyện đã linh hoạt vận dụng chủ trương xã hội hóa, kêu gọi đầu tư xây dựng chợ theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP của Chính phủ để xây dựng chợ nông thôn đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã. Ngoài ra, hệ thống các cửa hàng tiện lợi hiện nay cũng phát triển cũng góp phần phát triển thương mại của địa phương.

+ Tuy nhiên, đối với các xã ở địa bàn vùng sâu vùng xa, việc xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ nông thôn là rất khó khăn do hiệu quả mang lại còn thấp. Phần lớn chợ thuộc địa bàn này là chợ tạm chưa đáp ứng được nhu cầu dân sinh, thực tế hiện nay nguồn vốn địa phương còn hạn chế chưa bố trí được.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 128 xã đạt tiêu chí số 7, đạt tỷ lệ 84,2% (tăng 08 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 07: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn.

* Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện.

Hệ thống ngành y tế tỉnh có 31 cơ quan, đơn vị trực thuộc, gồm: 02 Chi cục, 08 Bệnh viện, 06 Trung tâm Y tế tuyến tỉnh và 15 Trung tâm Y tế cấp huyện.

Sở Y tế đã đầu tư trang thiết bị chuyên dụng, đảm bảo nhân lực cho các đơn vị thuộc Sở phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh của người dân. Tuy nhiên hiện nay, chưa có Trung tâm Y tế chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

* Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia

đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ); tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến thôn, buôn và tăng cường phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính.

Giai đoạn 2016 - 2020 (Theo hướng dẫn tại Quyết định 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung	Số xã đạt	Tỷ lệ hoàn thành
1	8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính	133/152	87,5%
2	8.2 Xã có internet đến thôn	152/152	100%
3	8.3 Xã có đài truyền thanh	100/152	66%
4	8.3 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin	152/152	100%

Về cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ các dịch vụ viễn thông và internet đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông cho 152/152 xã trên địa bàn tỉnh. 100% các xã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và phần phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo.

Kết quả thực hiện tiêu chí số 8, giai đoạn 2021-2025:

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Công văn số 2338/STTTT-BCVT ngày 28/12/2022 về hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện các chỉ tiêu về thông tin và truyền thông của bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025, như: 1. Các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông về tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; 2. Các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông về tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; 3. Các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông về tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; 4. Các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông về tiêu chí Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành triển khai Hệ thống truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho 9 xã: Ea H'leo, Ea Sol (huyện Ea H'leo), Ea Kuêh (huyện Cư M'gar), Xuân Phú, Ea Păl (huyện Ea Kar), Ea Hu, Dray Bhăng (huyện Cư Kuin), Dliê Ya, Ea Púk (huyện Krông Năng), với 298 cụm loa và thiết bị nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở giai đoạn 2021-2025. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, chuyển đổi số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao kiến thức, kỹ năng trong tiếp cận, sử dụng máy tính, dịch vụ của Chính phủ điện tử,

thương mại điện tử của người dân; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở khu vực thành thị và nông thôn.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 149 xã đạt tiêu chí số 8, đạt tỷ lệ 98% (tăng 02 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 10: Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định.

Theo quy định tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2021: “sử dụng kết quả thực hiện Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn hàng năm để đánh giá thực hiện chỉ tiêu 17.1”. Bộ chỉ số nước sạch thực hiện mỗi năm 01 lần, kết quả năm 2022 thường được UBND tỉnh phê duyệt vào quý II/2023.

Kết quả thực hiện Chương trình nước sạch năm 2022 như sau:

- Tỷ lệ nước hợp vệ sinh: Có 146/152 xã có tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt từ 85 % trở lên. Còn 06/152 xã, tỷ lệ 3,9% chưa đạt về tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo bảng chấm điểm nông thôn mới (tiêu chí đạt phải từ 85%).

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch: có 29/152 xã đạt tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch từ 40% (chủ yếu từ công trình cấp nước nhỏ lẻ), còn 123/152 xã chưa đạt chỉ tiêu này, chiếm 80%.

* Nội dung 11: Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện, liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp, đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó, có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

- Toàn tỉnh có 15 bãi xử lý CTRSH do cấp huyện quản lý đang hoạt động thuộc địa bàn 15 huyện, thị xã, thành phố. Hiện nay chỉ có 2/15 bãi được đầu tư ô chôn lấp theo yêu cầu kỹ thuật chôn lấp hợp vệ sinh (Bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung huyện Cư Kuin và thành phố Buôn Ma Thuột tại xã Hòa Phú), các bãi khác chưa được đầu tư hạ tầng đồng bộ, xử lý chưa thực hiện theo quy trình kỹ thuật về chôn lấp hợp vệ sinh.

- Hiện trạng phát sinh, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải ở địa phương: Tổng khối lượng CTRSH phát sinh toàn tỉnh khoảng 1.474 tấn/ngày, trong đó: Khối lượng CTRSH đô thị phát sinh khoảng 579 tấn/ngày, khối lượng được thu gom là 469,82 tấn/ngày (đạt 90,7%); khối lượng CTRSH nông thôn phát sinh khoảng 895 tấn/ngày, khối lượng được thu gom là 216,58 tấn/ngày (đạt 24,2%). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa áp dụng các công nghệ tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ.

- Ở khu vực đô thị: có 17 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo hình thức xã hội hóa, 100% các đô thị và trung tâm huyện đều có tổ chức dịch vụ vệ sinh đô thị.

- Ở khu vực nông thôn: toàn tỉnh có 80/152 xã có tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý CTRSH tại các khu vực trung tâm xã, khu dân cư tập trung, các trục đường chính (Quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã). Phương tiện vận chuyển chủ yếu là xe công nông. Còn lại, hầu hết rác thải sinh hoạt phát sinh được người dân tự xử lý bằng hình thức thủ công là đốt hoặc chôn lấp sau khuôn viên vườn nhà.

+ Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững (9 nội dung, trong đó chú trọng đến 03 chuyên đề hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM: Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM);

* Nội dung 01: Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững:

- Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được các Sở, ngành, các địa phương quan tâm thực hiện theo Kết luận số 467-KL/TU ngày 22/12/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Lắk; Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND trình HĐND ban hành Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 về chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm và thủy sản gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; trên cơ sở đó các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện một số vấn đề quan trọng của tái cơ cấu, phù hợp với tình hình thực tế. Kết quả đạt được như sau:

- Bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn gắn với các cơ sở sơ chế, chế biến; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, đẩy mạnh tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, có chứng nhận; số lượng và tỷ lệ sử dụng phân bón hóa học giảm, phân bón hữu cơ tăng lên tương ứng; thu hút đầu tư doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn có

hiều chuyển biến tích cực; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến, nhất là nông nghiệp công nghệ cao và cơ giới hóa nông nghiệp được tăng cường, đã hình thành được một số khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ có vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng.

- Cơ cấu cây trồng đã được điều chỉnh theo nhu cầu của thị trường và giá trị hàng hóa; đã chú trọng hơn tới nâng cao chất lượng sản phẩm. Điểm nổi bật của tái cơ cấu cây trồng là sản xuất lúa sử dụng giống năng suất, chất lượng với diện tích chiếm khoảng 40%, có địa phương đạt 70-80%; cà phê tái canh, diện tích sử dụng giống mới, chất lượng đạt 80%, đã cải thiện được năng suất cà phê lên 26,95 tạ/ha (năm 2022). Sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận với tổng diện tích áp dụng quy trình sản xuất bền vững có chứng nhận là 45.674,44 ha, chiếm khoảng 22,12% diện tích cà phê toàn tỉnh.

* Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Duy trì hoạt động và đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại đối với trang thông tin điện tử khuyến nông Đắk Lắk; thường xuyên cập nhật thông tin mới liên quan đến sản xuất nông nghiệp, tình hình dịch hại trên cây trồng, vật nuôi; tuyên truyền, phổ biến các văn bản trong lĩnh vực nông nghiệp và các hoạt động khuyến nông, giới thiệu các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả; duy trì tốt mục tư vấn, giải đáp trực tuyến những thắc mắc của bà con nông dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án, mô hình khuyến nông.

Triển khai công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ các đơn vị doanh nghiệp trong tỉnh tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, Báo Nông nghiệp, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, các địa phương tổ chức điểm cầu các Diễn đàn, Hội nghị trực tuyến tuyên truyền về các tiêu chuẩn, tiêu chí, quy định của các thị trường nông sản quốc tế, như: Trung Quốc, Bắc Âu, Nhật Bản, Hà Lan... cụ thể như: Diễn đàn Kết nối nông sản “Đa dạng hóa sản phẩm rau quả chế biến, bảo quản gắn với yêu cầu của thị trường tiêu thụ”; Hội nghị “Xuất khẩu nông sản thực phẩm Việt thích ứng với bối cảnh tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt về phòng chống Sar-CoV2, thực thi Lệnh 248 và 249 của Trung Quốc”; Hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với các thị trường ngoài nước; Diễn đàn kết nối tiêu thụ Nông sản tại thị trường Hà Lan và các nước khu vực Bắc Âu; Hội nghị công tác chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản năm 2022; Hội nghị Xúc tiến đầu tư và lĩnh vực Nông nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk, Lễ công bố xuất khẩu chuyên hàng Sầu riêng đầu tiên theo Nghị định thư ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc; Lễ công bố xuất khẩu chuyên hàng sầu riêng đầu tiên tại huyện Krông Pắc; Lễ công bố xuất khẩu lô hàng Macca Krông Năng

sang Nhật Bản. Trực tiếp hỗ trợ các doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nông sản xuất khẩu vào Trung Quốc theo Lệnh 248 của Tổng Cục Hải quan Trung Quốc để gửi Cục Bảo vệ thực vật theo quy định (tổng số hỗ trợ được 05/09 doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản xuất khẩu vào Trung Quốc).

- Đặc biệt, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức thành công Hội nghị xúc đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk năm 2022, tại Hội nghị đã trao 04 Quyết định chủ trương chấp thuận đầu tư và 02 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 01 ngàn tỷ đồng, ký kết 13 Bản ghi nhớ hợp tác đầu tư với tổng số 24 dự án với tổng giá trị cam kết đầu tư trên 25 ngàn tỷ đồng; phối hợp tổ chức thành công Lễ hội sầu riêng và Lễ công bố xuất khẩu chuyến hàng sầu riêng đầu tiên theo Nghị định thư ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc, với 04 mã cơ sở đóng gói sầu riêng và 23 mã số vùng trồng được phê duyệt (chiếm 45% mã số vùng trồng cả nước được phê duyệt), với diện tích 1.500 ha.

- Đến nay có rất nhiều các HTX đã thực hiện liên kết đầu vào, đầu ra cho các thành viên bằng các hợp đồng liên kết ổn định, tính đến nay toàn tỉnh có khoảng 150 HTX nông nghiệp có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, khoảng 34 doanh nghiệp, khoảng 276 trang trại, gia trại tham gia liên kết với doanh nghiệp, Số hộ nông dân tham gia liên kết khoảng 15.525 hộ, có 5 tổ chức khoa học tham gia liên kết.

* Nội dung 04: Triển khai Chương trình OCOP gắn với lợi thế của địa phương; phát triển tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 06/4/2022 về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 về việc thành lập Hội đồng OCOP cấp tỉnh và Hội đồng chuyên ngành để đánh giá, phân hạng sản phẩm thuộc Chương trình OCOP tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2716/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng OCOP đánh giá, phân hạng sản phẩm thuộc Chương trình OCOP tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2022-2025.

- Thông tin, tuyên truyền về Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh được thực hiện thường xuyên, liên tục qua Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk và hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh, huyện đến cấp xã, thôn. Website của Nông thôn mới Đắk Lắk thường xuyên đăng tải các Văn bản của Trung ương và địa phương về Chương trình để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh biết thực hiện; định kỳ, hàng năm tổ chức Hội nghị tuyên truyền nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và cộng đồng, với sự tham gia đầy đủ của các cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng. Bên cạnh đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng chủ động truyền truyền bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua các Hội nghị, Hội thảo, lồng ghép trong các lớp tập huấn chuyên môn...

- Công tác đào tạo, tập huấn: Năm 2021, tổ chức trực tuyến, thiết kế xây dựng chương trình học tập phù hợp bối cảnh dịch bệnh, đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid. Năm 2022, chưa có quy định thay thế Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 về việc phê duyệt chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 nên chưa có cơ sở để tổ chức mở các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ làm công tác triển khai chương trình OCOP và các chủ thể sản phẩm.

- Công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm: Năm 2021, có 37 sản phẩm được UBND tỉnh phê duyệt và cấp chứng nhận sản phẩm OCOP hạng từ 3 sao trở lên (bao gồm 4 sản phẩm 4 sao và 33 sản phẩm 3 sao); năm 2022, có 13 sản phẩm được UBND tỉnh phê duyệt và cấp chứng nhận sản phẩm OCOP hạng từ 3 sao trở lên (bao gồm 1 sản phẩm 4 sao và 12 sản phẩm 3 sao). Dự kiến, năm 2023 sẽ tiến hành tổ chức 2-3 đợt đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho khoảng 50 sản phẩm do cấp huyện đề nghị; lũy kế toàn tỉnh có 85 sản phẩm OCOP (bao gồm 9 sản phẩm 4 sao và 76 sản phẩm 3 sao).

- Công tác xúc tiến thương mại: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 578/QĐ-UBND, ngày 09/3/2022 về việc phê duyệt Đề án xây dựng trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2035, với mục tiêu hình thành nên 1 trung tâm giới thiệu cấp tỉnh và 15 trung tâm giới thiệu cấp huyện để trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP của tỉnh và các tỉnh thành khác trong cả nước; thường xuyên tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP tại Hội chợ, triển lãm, các chuỗi sự kiện phát triển du lịch, các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học... do tỉnh hoặc các tỉnh trong cả nước tổ chức; chủ động tổ chức đoàn công tác giao dịch thương mại, kết nối giao thương, tiêu thụ sản phẩm nông sản giữa các tỉnh với nhau. Đồng thời, phối hợp với các tỉnh để liên kết các nhà phân phối sản phẩm với nhau; Ngoài ra, thông qua kênh tiêu thụ tại hệ thống của các tập đoàn, công ty hoạt động kinh doanh lĩnh vực cung cấp hàng hóa/dịch vụ phối hợp, tổ chức các buổi hội thảo kết nối, giới thiệu, hợp đồng phân phối, đưa các sản phẩm nông sản vào hệ thống cửa hàng tại các tỉnh thành của Wincommerce (WinMart, WinMart+); Mega Market; Big C (siêu thị Go); Co.opmark... Lòng ghép hoạt động trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP trong các Hội nghị triển khai, tổng kết các chương trình, hoạt động chuyên ngành của các lĩnh vực khoa học, kết nối, ký kết hợp tác... Sử dụng sản phẩm OCOP làm quà tặng trong các buổi lễ ký kết; giao lưu, học hỏi kinh nghiệm giữa các tỉnh thành...

- Khó khăn: các cơ chế, chính sách, hướng dẫn, bộ tiêu chí... để áp dụng cho Chương trình OCOP vẫn chưa hoàn thiện.

+ Quá trình xem xét hồ sơ sản phẩm, đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP: kinh phí để gửi mẫu kiểm nghiệm, kiểm tra cơ sở không được quy định trong các nội dung chi cho triển khai Chương trình OCOP (tại Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính); ngoài ra một số nội dung chi để hỗ trợ cho quá trình triển khai chu trình OCOP cũng bị bỏ sót so với

quy định của giai đoạn trước như chỉ cho công tác truyền thông (chỉ tập trung cho tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông), các hình thức tuyên truyền khác đều không được được hỗ trợ chi.

+ Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP quy định chi tiết cho 26 Bộ sản phẩm để chấm điểm cho tất cả các sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP, tuy nhiên 26 Bộ sản phẩm không đủ bao hàm cho tất cả các sản phẩm hiện có của các tỉnh thành trong cả nước. Đề xuất xem xét, điều chỉnh chia Bộ tiêu chí để chấm điểm, đánh giá theo 6 nhóm quy định tại Quyết định số 919/QĐ-TTg, ngày 01/8/2022, gồm: Thực phẩm; Đồ uống; Dược liệu và sản phẩm từ dược liệu; Hàng Thủ công mỹ nghệ; Sinh vật cảnh; Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

* Nội dung 07: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

Kết quả đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh về lĩnh vực hỗ trợ nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

Ứng dụng và chuyển giao một số quy trình công nghệ trong chăn nuôi bò, lai tạo đàn bò địa phương, tập huấn nâng cao kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho khuyến nông viên; Cải tạo đàn dê, và nuôi dê thương phẩm; Áp dụng một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng sinh sản của đàn bò thịt tại tỉnh Đắk Lắk; Ứng dụng công nghệ mới Aquamimicry trong nuôi thâm canh cá rô phi (*Oreochromis sp*) tại tỉnh Đắk Lắk; Ứng dụng phương pháp sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá thác lát, cá Lăng đuôi đỏ; cá Hồi vân, cá Tầm và ứng dụng nuôi thương phẩm cá Chạch bùn cho sinh sản nhân tạo; sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Chiên (*Bagarius yarrelli*, Sykes 1839); Nhân nuôi và sinh sản nhân tạo cá Hồ (*Catlocarpio siamensis*) và cá rô cò (*Osphronemus exodon* (Roberts, 1994); Xây dựng cơ sở nhân giống, nuôi trồng và chế biến các loại nấm ăn và nấm dược liệu. Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ xử lý ô nhiễm môi trường nhà máy chế biến tinh bột sắn, xử lý bã sắn làm phân bón hữu cơ, bón lại cho cây sắn, góp phần phát triển cây sắn bền vững tại 05 nhà máy tinh bột sắn của tỉnh... góp phần tăng thêm nhiều loại cá có giá trị dinh dưỡng và kinh tế tại địa phương. Xây dựng mô hình mẫu OCOP (One commune one product - Mỗi xã một sản phẩm) dựa vào cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk kết quả đề tài đã xây dựng thành công 02 mô hình OCOP dựa vào nội lực cộng đồng và 02 sản phẩm OCOP đạt tiêu chí 3 sao, góp phần thực hiện thành công chương trình OCOP tại tỉnh Đắk Lắk và Chương trình mục tiêu xây dựng Nông thôn mới Quốc gia.

Tham mưu UBND tỉnh cho phép sử dụng địa danh để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm: gạo, cam sành, cam soàn, bưởi da xanh, vải của Huyện Ea Kar; Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận gạo Ea Súp. Tổ chức 03 Hội nghị tập huấn về quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Cá lăng đuôi đỏ xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, Mắc ca Krông Năng, Trái cây Buôn Hồ. Phối hợp tổ chức Hội nghị tập huấn về quản lý và phát triển nhãn hiệu

tập thể Sầu riêng Krông Pắc; Hội nghị tập huấn hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất. Tổ chức thẩm định và cấp quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột cho 08 đơn vị, nâng sản lượng cà phê nhân đăng ký là 39.890 kg trên diện tích 20.326 ha, 193 tấn cà phê hạt rang, 125 tấn cà phê bột và 2.000 tấn cà phê hòa tan nguyên chất; Đánh giá thực trạng phát triển cây Mắc ca và đề xuất vùng trồng thích hợp theo hướng an toàn có chứng nhận tại tỉnh Đắk Lắk; Xây dựng mô hình quản lý chuỗi giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng hướng tới phát triển rừng bền vững gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

* Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.

Triển khai thực hiện Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án Phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tổ chức thực hiện một số công tác như sau:

- Tổ chức 03 lớp tập huấn với sự tham gia của 120 học viên (Lớp phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức làng nghề, nghề truyền thống và sản phẩm OCOP; Lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ khách du lịch tham quan các làng nghề, nghề truyền thống và sản phẩm OCOP; Lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ khách du lịch tham quan các làng nghề, nghề truyền thống và sản phẩm OCOP tại huyện Lắk và Buôn Đôn).

- Công tác tổ chức tuyên truyền: thực hiện tuyên truyền theo hình thức in 700 tờ phướn treo dọc các tuyến đường chính trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và các huyện Lắk, Buôn Đôn, Krông Bông với tổng kinh phí 59.500.000 đồng; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về vấn đề phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 bằng băng rôn (135 cái), tờ phướn tuyên truyền (550 cái) với tổng kinh phí là 90 triệu đồng cấp phát đến các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch, đến Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiếp tục phối hợp với Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk và các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền tại đơn vị và đăng tải nội dung tuyên truyền trên trang thông tin điện tử <https://mydaklak.vn/> và <https://daktip.vn/>.

* Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.

- Từ tháng 4 năm 2021 do đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến công tác giải quyết việc làm cho người lao động. Năm 2021, đã giải quyết việc làm cho 29.500 người, bằng 98,99% so với kế hoạch; số lao động đi làm việc ở nước ngoài đi làm việc theo hợp đồng: 400 người, bằng 32% so với kế hoạch; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 2,6%, tăng 0,1% so với kế hoạch.

- Năm 2022, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 41.250 người (trong đó, lao động nữ: 19.800 người; lao động dân tộc thiểu số: 13.400 người), bằng 103,12% so với kế hoạch. Trung tâm Dịch vụ việc làm và các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đã tư vấn việc làm cho 45.000 lượt người lao động, tổ chức 74 phiên giao dịch việc làm, với gần 300 đơn vị, doanh nghiệp tham gia; công tác xuất khẩu lao động đã được các công ty tư vấn, tuyển dụng khoảng 1.586 người (bằng 105,7% so với kế hoạch), trong đó số người xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài khoảng 1.400 người, số còn lại đang đào tạo, học giáo dục định hướng tại các doanh nghiệp chờ xuất cảnh; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị khoảng 2,5% đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp khoảng 59%.

- Kết quả hỗ trợ về Giáo dục nghề nghiệp:

+ Tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Đắk Lắk năm 2021 với 37 bài dự thi thuộc 03 trường, kết quả có 02 bài đạt giải nhất, 04 bài đạt giải nhì, 04 bài đạt giải ba, 04 bài đạt giải khuyến khích.

+ Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hạng III cho giáo viên năm 2021 bằng hình thức trực tuyến qua phần mềm zoom, với 49 giảng viên của các trường cao đẳng tham gia học tập.

+ Tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm năm 2021 với 19 thiết bị tham gia của 55 tác giả, nhóm tác giả của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết quả có 2 thiết bị đạt giải Nhất, 02 thiết bị đạt giải Nhì, 03 thiết bị đạt giải Ba và 02 thiết bị đạt giải Khuyến khích.

+ Với 34 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (05 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp, 23 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 02 cơ sở khác) đã tuyển sinh: 22.542 học viên, học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp (Nữ: 2.477 người; DTTS: 1.457 người) đạt 60,3% KH năm; chia theo các trình độ: Cao đẳng: 1.107 sinh viên (Nữ: 46 người; DTTS: 64 người) Trung cấp: 920 học sinh (Nữ: 344 người; DTTS: 337 người); Sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 20.515 học sinh, học viên (Nữ: 2.087 người, DTTS: 1.056 người). Trong đó, số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo nghề theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 32 lớp với 1.086 học viên, kinh phí 4.611 triệu đồng, từ ngân sách cấp huyện bố trí.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được giao kinh phí là 2.160 triệu đồng, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã ký hợp đồng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức 02 lớp hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 70 học viên tham gia, kinh phí thực hiện là 287,3 triệu đồng; số kinh phí còn lại do nguồn vốn được phân bổ muộn, không đủ thời gian để tuyển sinh, tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động, thời gian đào tạo nghề phi nông nghiệp từ 03 - 04 tháng nên không thể tổ chức thực hiện được.

Chương trình MTQG giảm nghèo được giao kinh phí là 300 triệu đồng, đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp, với kinh phí thực hiện 295 triệu đồng.

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi được giao kinh phí là 961 triệu đồng, đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp, kiểm tra giám sát về công tác đào tạo nghề cho lao động, tư vấn phân luồng cho học sinh, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên giáo dục nghề nghiệp... kinh phí thực hiện là 610,69 triệu đồng

+ Kết quả tuyển sinh đào tạo nghề trên địa bàn toàn tỉnh năm 2022 là 39.500 học viên, học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp, đạt 101,6% KH năm; chia theo các trình độ: Cao đẳng: 1.244 người; Trung cấp: 2.050 người; Sơ cấp: 18.313 người; Đào tạo dưới 03 tháng: 17.893 người. Trong đó, số lao động được hỗ trợ đào tạo nghề từ nguồn kinh phí của 03 chương trình MTQG và ngân sách cấp huyện giao là 2.959 người, kinh phí thực hiện là 9.092 triệu đồng; gồm: nguồn kinh phí từ 03 CTMTQG là 5.442 triệu đồng, kinh phí ngân sách cấp huyện giao là 3.650 triệu đồng

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62%, đạt kế hoạch đề ra, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 20,89%, đạt kế hoạch đề ra.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 147 xã đạt tiêu chí số 12, đạt tỷ lệ 96,7% (giảm 03 xã so với tháng 7/2021).

+ Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (02 nội dung);

* Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Trong 02 năm, 2021 và 2022 đã giải quyết cho vay đối với 63.028 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách, với doanh số cho vay là 2.509.396 triệu đồng (trong đó, có vay ưu đãi hộ nghèo là 13.559 hộ, với doanh số 602.844 triệu đồng); thực hiện các mô hình, dự án khuyến nông thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cho 650 hộ nghèo với kinh phí là 1.524 triệu đồng; tổ chức 25 lớp đào tạo nghề cho 875 lao động nông thôn là người nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số... tham gia, tổng kinh phí thực hiện là 2.900 triệu đồng; cấp 1.803.834 lượt thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, với số tiền là 1.080.317 triệu đồng; thực hiện chính sách hỗ trợ học phí, chi phí học tập, hỗ trợ gạo, hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở... cho 69.835 lượt học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, DTTS... với kinh phí thực hiện 68.863 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tổng kinh phí của 02 năm (2021 – 2022) là 257.902 triệu đồng (vốn ĐTPT: 173.460 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 84.442 triệu đồng). Trong đó, Ngân sách Trung ương: 244.092 triệu đồng (vốn ĐTPT: 166.460 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 77.632 triệu đồng); Ngân sách tỉnh: 13.810 triệu đồng (vốn ĐTPT: 7.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 6.810 triệu đồng). Đã triển khai thực hiện đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng tại huyện nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô

hình giảm nghèo; đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tuyên truyền, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình.

- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2021 là 12,79% ; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu cuối năm 2021 là 26,74%.

- Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 giảm 1,85% so với năm 2021, từ 12,79% cuối năm 2021 xuống còn 10,94% cuối năm 2022; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,66%, từ 26,74% cuối năm 2021 xuống còn 23,08% cuối năm 2022.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 87 xã đạt tiêu chí số 11, đạt tỷ lệ 57,2% (tăng 03 xã so với tháng 7/2021).

* Nội dung 02: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.

Tổng số nhà ở dân cư trên địa bàn tỉnh là 312.924 căn. Trong đó:

+ Số nhà tạm, dột nát: 15.082 căn, chiếm tỷ lệ 4,82%;

+ Số nhà không đạt tiêu chuẩn NTM: 37.857 căn, chiếm tỷ lệ 12,10%;

+ Số nhà đạt tiêu chuẩn NTM: 259.985 căn, chiếm tỷ lệ 83,08%.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 130 xã đạt tiêu chí số 9, đạt tỷ lệ 85,5% (tăng 13 xã so với tháng 7/2021).

+ Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (02 nội dung);

- Nội dung 01: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15 - 60 tuổi.

- Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

Toàn tỉnh có 185 Trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 179 Trạm Y tế có bác sỹ phục vụ (96,75%).

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Trong năm 2022 đã khám 2.925.940 lượt, tăng 41,66% so với năm 2021 (BHYT: 1.676.841 lượt), điều trị nội trú cho 303.880 lượt, tăng 24,91% so với năm 2021 (BHYT: 246.085 lượt), điều trị ngoại trú cho 49414 lượt, tăng 7,24% so với năm 2021 (BHYT: 35215 lượt).

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trong năm 2022 và những năm tiếp theo, tăng cường đầu tư trang thiết bị; bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn, thực hiện tốt các quy định hiện hành.

- Tiếp tục duy trì việc tổ chức triển khai học tập, kiểm tra giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử; đặc biệt là việc giao tiếp ứng xử với người bệnh và người nhà người bệnh; nâng cao ý thức nghề nghiệp và thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế, trong các cơ sở khám chữa bệnh.

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện.

- Xây dựng và phát triển khoa y học cổ truyền tại các cơ sở khám chữa bệnh. Kết hợp chặt chẽ đông y với tây y, y học cổ truyền với y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Nâng cao tinh thần ý thức, đạo đức nghề nghiệp và thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế trong các cơ sở khám chữa bệnh.

- Kết hợp quân dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Thực hiện tốt chính sách chăm sóc cho người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, người nghèo; làm tốt công tác DS-KHHGD, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, đặc biệt là bà mẹ có thai và trẻ em dưới 6 tuổi.

- Tổ chức khảo sát sự hài lòng của người bệnh và người nhà bệnh nhân tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 142 xã đạt tiêu chí số 15, đạt tỷ lệ 93,4% (giảm 10 xã so với tháng 7/2021).

- + Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn (02 nội dung);

- Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

a) Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

- Trong năm 2021 - 2022: Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao cho 15 Nhà văn hóa xã và 338 Hội trường thôn, Nhà văn hóa cộng đồng buôn để hoàn thiện đáp ứng yêu cầu Tiêu chí số 06 cho những xã đăng ký về đích nông thôn mới và những xã đã được công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn

mới” để hoàn thiện tiêu chí về cơ sở vật chất theo quy định; các xã đặc biệt khó khăn ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tổng kinh phí 14.780 triệu đồng.

- Từ năm 2021-2022, từ nguồn kinh phí phân bổ dự toán ngân sách và nguồn kinh phí viện trợ từ dự án Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do Trung tâm hợp tác quốc tế tỉnh Jeollabuk, Hàn quốc. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các địa phương đề ra soát và lựa chọn và cấp 15 bộ chiêng cho 15 Đội chiêng các dân tộc Êđê, Gia Rai, M’ông và 365 bộ trang phục thổ cẩm truyền thống để cấp cho các đội văn nghệ có nhiều thành tích tiêu biểu ở các buôn, nhằm khích lệ, động viên tinh thần các nghệ nhân đánh chiêng cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trong cộng đồng;

b) Sản xuất và cấp phát ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về các mô hình tiêu biểu về bảo tồn văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới

Tổ chức truyền thông về triển khai thực hiện các tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới: In pano, băng rôn, cờ phướn khẩu hiệu tuyên truyền, In 2.400 cuốn lịch treo tường năm 2023 cấp phát đến 184 xã, phường, thị trấn, 2.199 Nhà văn hoá cộng đồng/Hội trường thôn tuyên truyền “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình” về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình; xây dựng 04 chương trình phát thanh tuyên truyền về Bảo tồn, phát huy giá trị di sản không gian văn hóa công chiêng, gìn giữ và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, để phát sóng trên hệ thống cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện, cấp xã. Tổng kinh phí 400 triệu đồng.

c) Tổ chức lớp tập huấn và truyền dạy:

Sở Văn hóa TT và DL đã tổ chức 04 lớp truyền đánh chiêng cho đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể: 01 lớp tại buôn Kala, xã Dray Sap; 01 lớp tại Trường Đại học Tây Nguyên; 02 lớp từ nguồn tài trợ: buôn Liêng Ông, xã Đắk phoi, huyện Lắk; 01 lớp chiêng nữ Êđê bih, tại Buôn tráp, huyện Krông Ana; mỗi lớp 20 học viên, riêng tại trường Đại học Tây Nguyên có 30 học viên; 03 lớp tập huấn cán bộ văn hóa cơ sở tại các huyện: Krông Pắc, Ea Kar, M’Đrăk; 01 lớp nghiệp vụ quản lý nhà nước về các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ văn hóa cơ sở về Kỹ năng biên tập, xây dựng và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng trong các Câu lạc bộ của Nhà Văn hóa thôn, buôn; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân gian truyền thống trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại cơ sở; hướng dẫn trang trí khánh tiết các sự kiện ở địa phương; hướng dẫn sử dụng âm thanh cơ bản tại các thiết chế văn hóa cơ sở...

Các huyện, thị xã, thành phố đã quan tâm, chỉ đạo việc tổ chức mở nhiều lớp truyền dạy đánh công chiêng trẻ để các em tiếp tục kế nghiệp các nghệ nhân lớn tuổi (huyện Ea Hlêo 03 lớp; Krông Buk 02 lớp; Cư Mgar: 02 lớp; thị xã Buôn Hồ 02 lớp)...

* Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa địa phương, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

a) Xây dựng và nhân rộng các mô hình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong xây dựng nông thôn mới

Trong năm 2022 đã xây dựng 01 mô hình Câu Lạc bộ hát Then, Đàn tính dân tộc Tày tại xã Ea Kênh, huyện Krông Pắc nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ biên tập và dàn dựng chương trình văn nghệ tổ chức lễ ra mắt Câu lạc bộ, cấp cho Câu lạc bộ 10 bộ trang phục truyền thống của dân tộc Tày Nùng, 10 bộ đàn tính; tổ chức 01 lớp truyền dạy hát then, đàn tính có 32 học viên tham gia). Tổng kinh phí 100 triệu đồng.

b) Bảo tồn, phát triển lễ hội truyền thống tiêu biểu của các dân tộc phục vụ phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới

Năm 2022, phối hợp với UBND huyện Cư M'gar tổ chức phục dựng Lễ kết nghĩa anh em người Êđê tại buôn Draisi, xã Cư Mtar, huyện Cư M'gar; Lễ kết nghĩa anh em người M'ngong tại buôn Jiêjuk, xã Đăk Phoi, huyện Lắk; tái hiện Lễ kết nghĩa Mẹ - con tham gia Liên hoan diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên lần thứ III năm 2022 tại tỉnh Kon Tum; tái hiện Lễ cúng lúa mới của người Gia Rai tham gia các hoạt động trong khuôn khổ các hoạt động “Ngày Văn hoá các dân tộc Việt Nam” năm 2022; Tái hiện Lễ kết nghĩa Mẹ Con của dân tộc Ê đê tham gia Tuần “Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản Văn hóa Việt Nam” tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Đồng Mô, Sơn Tây, Hà Nội.

Các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức các hoạt động diễn tấu công chiêng gắn với nghi thức, nghi lễ, lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số như: Lễ ăn cơm mới của người Êđê tại buôn Drahi 2, xã Cư Né huyện Krông Búk; lễ cúng bến nước của người Êđê tại buôn Ea Sang, xã Ea H'ring; lễ hội ăn cơm mới của dân tộc Thái xã Ea Kênh, huyện Cư M'gar.

Tổ chức triển khai thực hiện sưu tầm các bài chiêng truyền thống của người Êđê, M'ngong trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk, đã xây dựng mẫu phiếu khảo sát và phối hợp với 4 huyện: Cư M'gar, Krông Ana, Buôn Đôn và Lắk tiến hành điền dã, phỏng vấn, khảo sát lấy thông tin 500 phiếu khảo sát. Đối tượng khảo sát: Những người am hiểu hoặc biết về các nghi lễ - lễ hội, các bài chiêng truyền thống của người Êđê và M'ngong tại buôn mình đang sinh sống, chọn 07 bài chiêng truyền thống tiến hành ghi hình, biên tập, dàn dựng tư liệu các bài chiêng truyền thống để lưu giữ nhằm bảo tồn và phát huy trong thời gian tới.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 142 xã đạt tiêu chí số 16, đạt tỷ lệ 93,4% (tăng 09 xã so với tháng 7/2021).

+ Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục

cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam (07 nội dung, trong đó chú trọng đến Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025);

* Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn cấp huyện đảm bảo theo quy định; phát triển nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

- Công tác phân loại, thu gom chất thải rắn: Phân loại chất thải rắn tại nguồn được quy định tại Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức xây dựng hướng dẫn theo quy định.

- Công tác xử lý CTRSH tại địa phương: Toàn tỉnh hiện có khoảng 66 bãi, điểm chôn lấp chất thải rắn, gồm: 62 bãi nhỏ có diện tích dưới 10 ha, 3 bãi vừa có diện tích từ 10 - 30 ha và 01 bãi rất lớn có diện tích từ 50 ha trở lên. Trong đó, 15 bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt cấp huyện tại địa bàn 15 huyện, thị xã, thành phố với tổng diện tích 88,37 ha (diện tích lớn nhất 50 ha của khu xử lý CTR Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột; nhỏ nhất là 01 ha của huyện Ea Súp; bình quân từ 5,89 ha/khu xử lý). Hiện trạng cơ sở hạ tầng tại các bãi chôn lấp chất thải rắn thông thường do địa phương quản lý phần lớn là bãi tạm, quy mô nhỏ, chưa được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Rác thải được thu gom và chôn lấp thủ công, xử lý sơ bộ bằng cách phun thuốc diệt ruồi, các chất khử mùi và đốt. Các ô chôn lấp chưa được lót đáy chống thấm và bố trí hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường nước, không khí và đất cho các khu vực xung quanh bãi chôn lấp. Chỉ có Bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung huyện Cư Kuin, Bãi chôn lấp chất thải rắn tại xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột (đang làm thủ tục đóng cửa) và Bãi chôn lấp chất thải rắn tại xã Hòa Phú là được đầu tư ô chôn lấp có lớp chống thấm theo yêu cầu kỹ thuật chôn lấp hợp vệ sinh, còn lại phần lớn chưa đạt các tiêu chuẩn môi trường. Nguồn kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH hiện nay vẫn do Nhà nước bù đắp một phần từ nguồn thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh.

* Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 7/15 huyện, thị xã đã bố trí tổng số 667 bể thu gom bao gói thuốc BVTV, trong đó số lượng bao gói thuốc BVTV được thu gom là 7.240 kg, số lượng đã được tiêu hủy là 4.700 kg. Trong đó có 02 huyện là Cư M'gar và Krông Bông đã ký hợp đồng với các công ty được Bộ Tài

Nguyên và Môi Trường cấp phép xử lý chất thải nguy hại, xử lý bao gói thuốc BVTV là 4.500 kg. Riêng huyện Cư Kuin xử lý bằng cách chôn lấp 200kg.

* Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

- Thông tin về các điểm có khu vực bị nhiễm độc hóa chất trong chiến tranh: Qua điều tra, rà soát các điểm có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã phát hiện 12 khu vực trên địa bàn 6 huyện nhiễm chất độc Dioxin do chiến tranh. Đây là các điểm mới được phát hiện và chưa được điều tra, khảo sát, đánh giá.

- Thông tin về các khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, kho chứa hóa chất, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật, làng nghề đã đóng cửa hoặc di dời:

Năm 2021, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm tại: Điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật tại thôn 7, xã Cư Ni, huyện Ea Kar; Điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật thôn 8, xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông; Bãi chôn lấp chất thải rắn xã Ea Na, huyện Krông Ana (các điểm còn lại chưa được điều tra đánh giá). Kết quả đánh giá như sau:

+ Hiện trạng môi trường đất, nước tại: Điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật thôn 7, xã Cư Ni, huyện Ea Kar; Điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật thôn 8, xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông không bị ô nhiễm theo QCVN 15:2008/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT, QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

+ Hiện trạng môi trường đất, nước, không khí tại Bãi chôn lấp chất thải rắn xã Ea Na, huyện Krông Ana chưa bị ô nhiễm theo QCVN 15:2008/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 03-MT:2015/BTNMT, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 54:2013/BTNMT, QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

- Thông tin về các khu vực có cơ sở sản xuất đã đóng cửa hoặc di dời: Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện khu vực ô nhiễm đất do cơ sở sản xuất đã đóng cửa hoặc di dời.

- Thông tin về các khu ô nhiễm hóa chất, ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật: Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện khu vực ô nhiễm đất do hóa chất bảo vệ thực vật.

* Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, buôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021; Kế hoạch số 2616/KH-BNN-TCLN ngày 07/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Kế hoạch triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 về việc Kế hoạch trồng rừng và trồng cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 5541/UBND-NNMT ngày 22/6/2021 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch trồng rừng, trồng cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 17/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác trồng rừng, trồng cây xanh và quản lý bảo vệ rừng; Công văn số 5195/UBND-NNMT ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 17/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác trồng rừng, trồng cây xanh và quản lý bảo vệ rừng; Thông báo số 36/TB-SNN ngày 06/4/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc kế hoạch trồng rừng và trồng cây xanh năm 2022 trên địa bàn tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục triển khai các văn bản () hướng dẫn, đơn đốc triển khai thực hiện trồng rừng và trồng cây xanh 2022.

Kết quả thực hiện trồng mới rừng và trồng cây xanh tính đến ngày 27/12/2022, cụ thể như sau:

- Trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng là 79,7ha; đạt 109 % so với kế hoạch (73ha); Quy số cây tương đương là 79.700 cây.
- Trồng mới rừng sản xuất là 518ha; đạt 159,3 % so với kế hoạch (325ha); Quy số cây tương đương là 518.500.cây.
- Trồng cây xanh phân tán là 384.522 cây, tương đương 384,52 ha; đạt 192,2 % so với kế hoạch (200.000 cây).

Về tổ chức các phong trào, hoạt động tuyên truyền và trồng cây, trồng rừng cụ thể như sau:

- Tổ chức Lễ phát động trồng cây xanh nhân dịp kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ ngày 19/5/2022, toàn tỉnh Đắk Lắk tổ chức trồng 49.432 cây xanh.
- Tổ chức Lễ phát động trồng cây hưởng ứng Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ, nhân ngày 28/11/2022 ngày lâm nghiệp Việt Nam, ngành lâm nghiệp tổ chức trồng 80 cây xanh.
- Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Đắk Lắk tổ chức chương trình “Triệu cây xanh - Vì một Việt Nam xanh” vào ngày 22/10/2022 tổ chức trồng 25.000 cây xanh.

Các phong trào, hoạt động tuyên truyền về trồng cây, trồng rừng nêu trên, đều được các cơ quan truyền thông: Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh - Truyền hình Đắk Lắk, Cổng thông tin điện tử Đắk Lắk đã đưa tin về buổi Lễ, qua đó mang lại hiệu ứng và sức lan tỏa mạnh mẽ trong cán bộ công nhân viên chức ngành nông nghiệp nói riêng và quần chúng nhân dân nói chung.

* Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

Công tác vệ sinh nông thôn:

- Tổng số hộ toàn tỉnh: 457.827 hộ
- Số hộ có nhà tiêu: 434.332 hộ
- Tỷ lệ % hộ có nhà tiêu (so với tổng số hộ): 94,87%
- Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS): 355.826 hộ
- Tỷ lệ % hộ có nhà tiêu HVS (so với tổng số hộ): 77,72%

Cụ thể:

Thông tin chung	Tổng số hộ		457.827
	Số hộ có nhà tiêu		434.332
	Tỷ lệ % hộ có nhà tiêu (so với tổng số hộ)		94,87
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS)		355.826
	Tỷ lệ % hộ có nhà tiêu HVS (so với tổng số hộ)		77,72
	Số hộ có nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo		3.042
	Số hộ có nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS		1.194
Chi tiết một số loại nhà tiêu	Nhà tiêu tự hoại	Tổng số nhà tiêu	122.408
		Số nhà tiêu HVS	117.063
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu)	95,63
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	1.295
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS	272
	Nhà tiêu thấm dột nước	Tổng số nhà tiêu	202.106
		Số nhà tiêu HVS	188.912
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu thấm dột nước)	93,47
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	1.523
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS	529
	Nhà tiêu hai ngăn	Tổng số nhà tiêu	23.983
		Số nhà tiêu HVS	18.720
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu hai ngăn)	78,06
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	59
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS	138
	Nhà tiêu đào cải tiến	Tổng số nhà tiêu	47.710
		Số nhà tiêu HVS	31.131
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu chìm)	65,25
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	165
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	255

	Loại khác	Số lượng nhà tiêu	38.125
		Tỷ lệ % (so với tổng số HGD)	8,33

- Tổng số hộ gia đình được cung cấp nước sạch: 131.368 hộ. Chiếm tỷ lệ: 20,46% (được tính bằng tổng số HGD được cung cấp nước sạch từ các đơn vị cấp nước /tổng số HGD toàn tỉnh).

- Tổng số hộ gia đình sử dụng cấp nước hợp vệ sinh: 112.976 hộ.

* Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”.

Kết quả theo dõi, tổng hợp chỉ tiêu 17.1 về tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch của các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 về việc phê duyệt kết quả Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch nông thôn năm 2021. Theo đó, kết quả theo dõi về tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh là 96,2%.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 100 xã đạt tiêu chí số 17, đạt tỷ lệ 65,8% (tăng 05 xã so với tháng 7/2021).

+ Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (06 nội dung, trong đó chú trọng đến Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh);

- Nội dung 01: Triển khai Đề án/Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 2580/BNV-ĐT ngày 16/6/2022 của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc ban hành kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025; Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 63/KH-SNV ngày 10/12/2021 về thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 và Kế hoạch số 155/KH-SNV ngày 30/9/2022 về thực hiện Chương trình MTQG gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 đến năm 2025; trong đó, giai đoạn từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2023, dự kiến tổ chức 25 lớp bồi dưỡng với khoảng 3.600 lượt cán bộ, công chức xã trên địa bàn tỉnh tham gia, cụ thể:

- Năm 2021: Đã tổ chức thành công 05 lớp bồi dưỡng chuyên sâu (bằng hình thức trực tuyến), với 562 công chức xã tham gia.

- Năm 2022: Dự kiến tổ chức 10 lớp bồi dưỡng (bằng hình thức trực tiếp), với khoảng 1.520 lượt cán bộ, công chức xã tham gia.

- Năm 2023: Dự kiến tổ chức 10 lớp bồi dưỡng (bằng hình thức trực tiếp), với khoảng 1.520 lượt cán bộ, công chức xã tham gia.

*** Kết quả đạt được:**

- Năm 2021: Đã tổ chức 05/05 lớp bồi dưỡng chuyên sâu, với 562 lượt công chức xã tham gia (gồm: 62 DTTS và 256 nữ). Tổng kinh phí được giao là 225.000.000 đồng, tổng kinh phí đã thực hiện là 223.113.000 đồng, kinh phí còn dư là 1.887.000 đồng.

- Năm 2022 và 2023: Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022, chưa có quy định, hướng dẫn chi nội dung số 01 của nội dung thành phần số 08 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, địa phương chưa có cơ sở để triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo Kế hoạch.

*** Những khó khăn, bất cập**

Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; thì chưa có quy định, hướng dẫn chi nội dung số 01 của nội dung thành phần số 08 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg. Do đó, địa phương chưa có cơ sở để triển khai thực hiện nội dung số 01 của nội dung thành phần số 08 kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

* Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

* Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

Ngày 17/3/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 473/QĐ-UBND.

* Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

a) Kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Năm 2020, toàn tỉnh có 164/184 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đạt 89,1%) cụ thể: thành phố Buôn Ma Thuột có 21/21 đơn vị; huyện Buôn Đôn có 07/07 đơn vị; huyện Cư Kuin có 08/08 đơn vị; huyện Cư M'gar có 17/17 đơn vị; huyện Lắk có 11/11 đơn vị; thị xã Buôn Hồ có 08/12 đơn vị; huyện Ea Kar có 14/16 đơn vị; huyện Ea H'leo có 11/12 đơn vị; huyện Ea Súp có 08/10 đơn vị; huyện Krông Bông có 12/14 đơn vị; huyện Krông Búk có 05/07 đơn vị; huyện Krông Năng có 11/12 đơn vị; huyện Krông Pắc có 15/16 đơn vị; huyện Krông Ana có 05/08 đơn vị; huyện M'Đrăk có 11/13 đơn vị.

Năm 2021, toàn tỉnh có 163/184 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đạt 88,5%), cụ thể: thành phố Buôn Ma Thuột có 21/21 đơn vị; huyện Ea Kar có 16/16 đơn vị; huyện Ea H'leo có 12/12 đơn vị; huyện Krông Năng có 12/12 đơn vị; huyện Krông Pắc có 16/16 đơn vị; huyện Lắk có 11/11 đơn vị; huyện Cư Kuin có 08/08 đơn vị; huyện Cư M'gar có 16/17 đơn vị; huyện M'Đrăk có 12/13 đơn vị; huyện Krông Bông có 12/14 đơn vị; huyện Buôn Đôn có 05/07 đơn vị; huyện Krông Ana có 07/08 đơn vị; huyện Krông Búk có 04/07 đơn vị; huyện Ea Súp có 05/10 đơn vị và thị xã Buôn Hồ có 06/12 đơn vị.

b) Kết quả tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp đã tổ chức Hội nghị tập huấn công tác chuẩn tiếp cận pháp luật và công tác văn bản quy phạm pháp luật cho trên 200 đại biểu là các cán bộ, công chức của các phòng, ban thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố và công chức Tư pháp - Hộ tịch của 184 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; phối hợp với UBND huyện Cư Kuin và UBND thị xã Buôn Hồ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật cho thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện và các cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn.

c) Kết quả giải ngân vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM

Năm 2021, theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí năm 2021 cho các đơn vị, Sở Tư pháp được phân bổ 55 triệu đồng để triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Để sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp, Sở đã ban hành Kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2021, trên cơ sở đó, Sở đang triển khai hỗ trợ Tủ sách pháp luật (bao gồm: Trang bị tủ và các loại sách pháp luật) cho 04 xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới (xã Krông Jing huyện M'Đrăk, xã Ea Sô huyện Ea Kar, xã Ia JLoi huyện Ea Súp, xã Cư Dliê M'nông huyện Cư M'gar) từ nguồn kinh phí được cấp để hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

Năm 2022, triển khai Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2022 và Kế hoạch số 28/KH-STP, Sở đã hoàn thành 03 hoạt động theo kế hoạch đề ra gồm: (1) tổ chức Hội nghị tập huấn công tác hoà giải ở cơ sở, (2) cung cấp tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở cho 05/08 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 là xã Ea Kiết và xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar; xã Xuân Phú, huyện Ea Kar; xã Ea Tiêu và xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin và (3) tổ chức khảo sát đánh giá thực trạng công tác hòa giải ở cơ sở từ nguồn kinh phí Chương trình MTQG xây dựng NTM được cấp (có hồ sơ quyết toán kinh phí riêng).

- Kết quả thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở

a) Công tác PBGDPL

Từ tháng 7/2021 đến nay, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức 02 hội nghị trực tuyến: Hội nghị trực tuyến phổ biến, quán triệt các luật mới được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 09, thứ 10 và Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh (ngày 01/12/2022) phổ biến, quán triệt 05 luật mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 03 cho lãnh đạo chủ chốt của các sở, ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL, báo cáo viên pháp luật các cấp... Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật như: Hội nghị hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (09/11/2022) và tổng kết, biểu dương, khen thưởng đối với 25 tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; treo, mắc 18 pano khẩu hiệu tuyên truyền Ngày Pháp luật tại các huyện, thị xã, thành phố..., qua đó đã tạo sức lan tỏa lớn trong xã hội đối với sự kiện chính trị pháp lý của năm, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, Nhân dân về vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

Sở Tư pháp đã phát hành 63.000 cuốn Bản tin Tư pháp Đắc Lắc (3.500 cuốn/số/tháng); biên soạn và cấp phát: 1.000 cuốn Sổ tay “Tìm hiểu các quy định pháp luật về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”; 07 loại tờ rơi tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 với số lượng 75.000 tờ để cấp phát cho bà con dân tộc, vùng sâu vùng xa; phối hợp với Báo Đắc Lắc thực hiện 11 kỳ chuyên mục hỏi đáp pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; 1.000 cuốn Sổ tay “Tìm hiểu các quy định pháp luật về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”, 520 cuốn sổ tay công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân... Bên cạnh đó, thường xuyên đăng tải, cập nhật thông tin, bài viết, tài liệu pháp luật trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua hoạt động tổ chức thi tìm hiểu pháp luật cũng được Sở quan tâm thực hiện. Năm 2021, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch công tác PBGDPL của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và các văn bản triển khai tổ chức Hội thi “Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã với pháp luật”, nhằm cập

nhật, bồi dưỡng kiến thức pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp xã; kỹ năng giải quyết, xử lý các tình huống phát sinh trong công tác quản lý nhà nước cho đội ngũ Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở. Tuy nhiên, do tình hình dịch COVID-19 diễn biến rất phức tạp, UBND tỉnh đã quyết định hoãn việc tổ chức Hội thi đến thời điểm phù hợp. Đồng thời, giao Sở Tư pháp tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống dịch COVID-19” đến đối tượng là công dân Việt Nam từ đủ 12 tuổi trở lên, hiện đang sinh sống, học tập, làm việc trên địa bàn tỉnh. Cuộc thi đã nhận được sự quan tâm, hưởng ứng, tham gia nhiệt tình của cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh, có tổng số 68.784 lượt người đăng ký tài khoản tham gia thi với 118.601 lượt thi.

Năm 2022, Sở Tư pháp đã tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Công dân với pháp luật về bảo vệ môi trường”, thu hút 17.024 người đăng ký dự thi và hơn 25.700 lượt thi.

b) Công tác hòa giải ở cơ sở

Sở Tư pháp thường xuyên hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ hòa giải ở cơ sở và củng cố, kiện toàn nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ hòa giải viên; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện và tổng kết Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022” ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trọng tâm là bồi dưỡng, tập huấn, cấp phát tài liệu để nâng cao chất lượng công tác hoà giải ở cơ sở, hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình hòa giải ở cơ sở, góp phần hoàn thành nội dung 18.4 “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” thuộc tiêu chí 18 Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và nội dung 16.1 “Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận” thuộc tiêu chí 16 Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, ban hành kèm theo Quyết định số 1831/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Bên cạnh đó, Sở đã phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng hòa giải ở cơ sở với 07 lớp cho hơn 650 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022.

* Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

Để nâng cao nhận thức, thông tin về TGPL, Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh đã phối hợp với Hội Luật gia tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và Chi đoàn thanh niên Sở Tư pháp thực hiện 10 đợt truyền thông về TGPL tại 10 xã, trong đó tập trung tại các xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn và xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã biên giới trên địa bàn tỉnh với 517 người tham dự. Nội dung chủ yếu là tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Trợ giúp pháp lý 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các lĩnh vực pháp luật liên quan mật thiết đến nhu cầu của người dân nơi tổ chức truyền thông... Đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp giải đáp những vướng mắc pháp luật mà người dân đang có

vướng mắc. Tại các đợt truyền thông về TGPL ở cơ sở này, đã thực hiện tư vấn trực tiếp 15 việc cho 15 lượt người nghèo và người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài ra, năm 2022, Trung tâm TGPL đã biên soạn, cấp phát 34.200 các loại Tờ gấp về TGPL và 15.200 Đơn yêu cầu tại Hộp tin về TGPL của các cơ quan tổ tụng tại huyện, thị xã, thành phố theo Chương trình phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng.

Số vụ việc TGPL đã thực hiện (từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/12/2022): 743 vụ việc cho 743 lượt người thuộc diện được TGPL trên địa bàn tỉnh bằng các hình thức tư vấn, tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng; trong đó: Đối tượng được TGPL gồm: Người nghèo 120 lượt người; người có công với cách mạng 29 lượt người; người dân tộc thiểu số 307 lượt người; người khuyết tật 09 lượt người; người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi 134 lượt người; trẻ em 91 lượt người; người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo 38 lượt người; người cao tuổi có khó khăn về tài chính 15 lượt. Thông qua các vụ việc TGPL cụ thể đã giúp cho người được thụ hưởng chính sách TGPL nói chung và người nghèo nói riêng bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, góp phần bảo đảm công lý, thực hiện công bằng xã hội, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phòng ngừa vi phạm pháp luật.

* Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

Trong hai năm 2021 - 2022, có 65/152 xã đạt chỉ tiêu số 18.5 về đảm bảo bình đẳng giới; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, bảo vệ hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội.

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 148 xã đạt tiêu chí số 18, đạt tỷ lệ 97,4% (tăng 04 xã so với tháng 7/2021).

+ Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM (05 nội dung);

* Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã ban hành nhiều văn bản, hướng dẫn, kế hoạch nhằm tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, kết quả MTTQ Việt Nam các cấp đã tuyên

truyền được 1.799 buổi, thu hút 99.525 lượt người tham gia, ban hành được 110 văn bản tuyên truyền, tổ chức 86 hội nghị...

* Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cán bộ, hội viên nông dân và cộng đồng dân cư nông thôn tích cực tham gia các hoạt động của Phong trào xây dựng nông thôn mới gắn với phong trào thi đua của Hội. Qua đó, đã lồng ghép tổ chức được 6.057 buổi tuyên truyền cho hơn 360.260 lượt cán bộ, hội viên nông dân tham gia.

* Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.

Các cấp Hội Phụ nữ trong tỉnh đã tổ chức 174 buổi tuyên thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của hội viên, phụ nữ về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, nói không với tín dụng đen... thông qua các buổi sinh hoạt chi hội, sinh hoạt câu lạc bộ, tổ nhóm thu hút 10.232 chị tham gia; tổ chức 01 lớp tập huấn cho 41 phụ nữ tham gia cuộc thi “Phụ nữ khởi nghiệp sáng tạo năm 2021” nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính, kỹ năng thuyết minh ý tưởng kinh doanh; hướng dẫn thiết kế clip, poster quảng bá dự án khởi nghiệp...; tích cực phối hợp với ngành liên quan tổ chức các hoạt động hướng dẫn khởi nghiệp, cách thức tiếp cận, sử dụng vốn vay, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp kết nối với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

* Nội dung 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

+ Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (02 nội dung, trong đó chú trọng đến Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM);

* Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời, phải sẵn sàng các phương án đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

Chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác đảm bảo ANTT, trọng tâm là:

Tham mưu Tỉnh ủy ban hành (1) Kế hoạch và Báo cáo tổng kết 10 năm Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”; (2) Phối hợp Ban Dân vận Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 36-KH/BDVTU-CAT ngày 21/4/2022 về phối hợp thực hiện công tác dân vận giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Công an tỉnh năm 2022; (3) Báo cáo tình hình tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ” năm 2022; (4) Bài phát biểu chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin; (5) Bài phát biểu đáp từ nội dung phát biểu chỉ đạo của Đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa – Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương tại Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ xã Ea Sol, huyện Ea Hleo.

Tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 18/7/2022 Quy định số lượng, mức phụ cấp đối với Công an xã bán chuyên trách tiếp tục được sử dụng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (1) Quyết định công nhận 224 cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường thuộc cấp tỉnh quản lý đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” năm 2021; (2) Công văn triển khai thực hiện Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022 của Bộ Công an về “quy định Tiêu chí đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ”; (3) Công văn số 4533/UBND-NC, ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thực hiện Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Kế hoạch, chương trình, báo cáo liên quan công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ góp phần đặc lực cho công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm nói chung và công tác xây dựng nông thôn mới nói riêng

Tập trung tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan huy động mọi nguồn lực thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân trên môi trường điện tử và tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt 02 dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân; đảm bảo sẵn sàng kết nối liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư; triển khai 02 đợt cao điểm thi đua cấp CCCD, qua đó thu nhận 1.655.282 hồ sơ đề nghị cấp CCCD, đã trả 1.521.387/1.524.001 thẻ CCCD (đạt tỷ lệ 99,82%). Duy trì hiệu quả công tác quản lý, tuyên truyền, vận động thu hồi và đấu tranh với hành vi vi phạm về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; Tổ chức 1.278 lượt kiểm tra cư trú, cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, phát hiện, xử lý vi phạm hành chính 135 trường hợp. Vận động Nhân dân giao nộp, thu hồi 388 súng, 276 viên đạn, 8 lựu đạn, quả đạn, bom, mìn, đầu đạn; 3.9kg thuốc nổ, 02 kíp nổ; 29 công cụ hỗ trợ; 143 vũ khí thô sơ, 05 linh kiện vũ khí, 7.17kg pháo, 35 quả pháo, 56 ống pháo. Tăng cường công tác đảm

bảo trật tự an toàn giao thông, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về giao thông của quần chúng Nhân dân, góp phần làm giảm tai nạn giao thông ở khu vực nông thôn.

- Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT

Tập trung chỉ đạo các đơn vị, Công an huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các văn bản của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT và công tác bảo đảm ANTT được 1.506 buổi với 238.283 lượt người tham dự. Hình thức tuyên truyền, phát động đa dạng, nội dung phong phú, được tổ chức rộng rãi từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt chú ý tuyên truyền về phòng, chống tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”; tệ nạn ma túy, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy.

Xây dựng 3.000 tin, bài, phóng sự, 3.000 ảnh có nội dung tuyên truyền, định hướng dư luận, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nêu gương người tốt, việc tốt, kết quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội của lực lượng Công an tỉnh. Các tin, bài, phóng sự, chương trình đăng tải trên Youtube và Facebook đã thu hút đông đảo lượt đăng ký theo dõi. Duy trì hoạt động hiệu quả của Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh, 02 chuyên mục phát thanh thường kỳ trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Đắk Lắk; Fanpage của Ban Chỉ đạo Công an tỉnh và Công an huyện, thị xã, thành phố; nhiều tin bài có tính lan tỏa, thu hút nhiều người xem, chia sẻ, góp phần quan trọng trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTT góp phần đảm bảo ANTT tại cơ sở...

Tiếp tục duy trì hiệu quả mô hình phong trào “Kết nối mạng xã hội – Bình yên cho mỗi gia đình” với 234 trang Zalo được xác thực.

- Công tác xây dựng lực lượng Công an xã chính quy

Tham mưu tổ chức 08 lớp tập huấn, bồi dưỡng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT và đảm bảo ANTT cho 1.336 Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Trưởng thôn, phó trưởng thôn, buôn trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tăng cường xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã chính quy tại 152/152 xã với 1.655 CBCS, trong đó các xã trọng điểm bố trí từ 7 – 10 biên chế, các xã còn lại bố trí tối thiểu 05 biên chế. Việc triển khai bố trí Công an chính quy tại xã, thị trấn tạo chuyển biến tích cực trong công tác đảm bảo ANTT tại cơ sở đồng thời, nâng cao ý thức, trách nhiệm phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội của các cơ quan, ban, ngành, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào công tác đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ ANTT góp phần thực hiện hiệu quả Tiêu chí số 19.2 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn kết phong trào toàn dân bảo vệ ANTT với phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, phong trào “Xóa đói, giảm nghèo”...

* Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, đảm bảo giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

- Đảng ủy, Bộ CHQS tỉnh tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự, quốc phòng địa phương; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến 100% cán bộ, nhân viên, chiến sĩ về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"; quán triệt triển khai thực hiện Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch số 2065/KH-BCH, ngày 31/8/2020 của Bộ CHQS tỉnh về thực hiện Tiêu chí 19.1 về xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các tiêu chí quân sự, quốc phòng theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 2840/KH-BCH, ngày 14/12/2021 của Bộ CHQS tỉnh về thực hiện Tiêu chí 19.1 về xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các tiêu chí quân sự, quốc phòng theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 2054/KH-BCH, ngày 14/9/2022 của Bộ CHQS tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 483/QĐ-BCH ngày 30/3/2022 của Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Ban Chỉ đạo thẩm định thực hiện tiêu chí về quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh...

- Đảng ủy, Bộ CHQS tỉnh tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự, quốc phòng địa phương; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến 100% cán bộ, nhân viên, chiến sĩ về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"; quán triệt triển khai thực hiện.

Tham mưu Ban Chỉ đạo điều hành chương trình phối hợp công tác dân vận tổ chức Hội nghị và ban hành kế hoạch giao địa bàn cho LLVT địa phương và các đơn vị Quân đội trực thuộc Bộ Quốc phòng, Quân khu 5 đứng chân trên địa bàn tỉnh tham gia làm công tác dân vận ở các xã đặc biệt khó khăn.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai tổ chức thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị. Chỉ đạo các đơn vị thường xuyên rà soát duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới mới nâng cao.

a) Chi bộ Quân sự: Chi bộ Quân sự cấp xã được xây dựng 184/184 xã, phường, thị trấn và tổ chức hoạt động đúng theo quy định (trong đó: 178/184 chi bộ quân sự cấp xã có cấp ủy đạt 96,7%).

b) Số lượng, chất lượng cán bộ Ban CHQS cấp xã

- Chỉ huy trưởng: 172/184 xã, phường, thị trấn có Chỉ huy trưởng (trong đó: 161/172 đồng chí tham gia cấp ủy), 172/172 đồng chí được đào tạo các trường trong Quân đội (trong đó: Đại học 15; Cao đẳng 27; Trung cấp 130).

- Phó Chỉ huy trưởng: 284/184 xã, phường, thị trấn được bổ trí Phó Chỉ huy trưởng (trong đó: 09 đồng chí tham gia cấp ủy), 266/284 đồng chí được đào tạo các trường trong Quân đội (trong đó: Đại học 26; Cao đẳng 41; Trung cấp 199).

- Chính trị viên, Chính trị viên phó: 184/184 xã, phường, thị trấn là Bí thư Đảng ủy cấp xã và Bí thư BCH đoàn cấp xã được chỉ định kiêm nhiệm.

c) Chất lượng: Có 6.093 đảng viên trong lực lượng Dân quân đạt tỷ lệ 28,6% (trong năm kết nạp được 198 đảng viên mới).

d) Tổ chức quần chúng: 184/184 Ban CHQS cấp xã được thành lập chi đoàn quân sự, tổ chức hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

e) Nhà làm việc: Có 166/184 xã, phường, thị trấn có nhà làm việc riêng và 18/184 xã, phường, thị trấn có phòng làm việc riêng.

f) Chế độ, chính sách: Thực hiện theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về phụ cấp hàng tháng của thôn đội trưởng và trợ cấp ngày công lao động đối với Dân quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

- Bộ CHQS tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; 100% quân nhân xuất ngũ trở về địa phương và phương tiện kỹ thuật được đăng ký vào lực lượng DBĐV, quản lý chặt chẽ theo quy định; đào tạo 99 cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn; tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị cho 38.033 lượt DQTV, 7.440 lượt DBĐV. Phối hợp chỉ đạo kết nạp được 63 đảng viên mới trong lực lượng DBĐV; tổ chức bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh cho các đối tượng được 5.541 đ/c (đối tượng 1: 02, đối tượng 2: 106, đối tượng 3: 703, đối tượng 4: 4.610; già làng, trưởng bản: 120); giáo dục quốc phòng 124.603 học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc.

- Đảng ủy, Bộ CHQS tỉnh thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nâng cao chất lượng, hiệu quả các nội dung, hình thức công tác dân vận, gắn với thực hiện các chủ trương mới về công tác dân vận của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu như: “Giảm nghèo bền vững”, “Hũ gạo vì người nghèo”, làm công tác dân vận ở các xã đặc biệt khó khăn gắn với thực hiện Phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”.

- Bộ CHQS tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp các ban, ngành, đoàn thể địa phương làm công tác dân vận giúp Nhân dân phòng,

chống khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn, kết quả: Tham gia phòng, chống ngập lụt, sạt lở do ảnh hưởng mưa, bão...

Đến tháng 12/2022, lũy kế có 150 xã đạt tiêu chí số 19, đạt tỷ lệ 98,7% (tăng 02 xã so với tháng 7/2021).

+ Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (05 nội dung).

* Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM.

- Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên không thực hiện công tác tập huấn. Năm 2022, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã triển khai tổ chức 6 lớp tập huấn với hơn 540 lượt người tham dự; trong đó tổ chức 4 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp với hơn 360 lượt người tham dự; 2 lớp tập huấn cho cán bộ đoàn các cấp với hơn 180 lượt người tham dự. Với các nội dung: Tổng quan Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các định hướng phát triển nông thôn Việt Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp và việc đánh giá công nhận và thu hồi nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Sở Nội vụ đã tổ chức 05 lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên sâu cho 562 lượt công chức cấp xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ với kinh phí là 223,113 triệu đồng.

- Các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai kế hoạch tập huấn cho cán bộ làm công tác nông thôn mới cấp xã theo kế hoạch vốn sự nghiệp được giao.

* Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trên địa bàn toàn tỉnh thường xuyên, liên tục tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19 bằng nhiều hình thức.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: đã triển khai điều tra xã hội học đợt I năm 2021 về “Kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 22/4/2011 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020” (Báo cáo số 122-BC/BTGTU ngày 07/7/2021). Thông qua cuộc điều tra đã có những đánh giá khách quan về Chương trình xây dựng nông thôn mới, đại bộ phận nhân dân tin tưởng, đồng tình, ủng hộ, tích cực hưởng ứng phong trào “Đắc Lắc chung tay xây dựng nông thôn mới” và hoàn thành các mục tiêu của

Nghị quyết. Ngoài ra, Ban Biên tập “Thông tin cơ sở” đã đăng 25 tin, bài, hình ảnh tuyên truyền về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh với số lượng bản tin đã phát hành là 3.050 cuốn/tháng; Bản tin “Thông báo nội bộ” đã đăng 02 tin, bài, hình ảnh tuyên truyền về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh với số lượng bản tin đã phát hành là 6.766 cuốn/tháng.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh phối hợp với Báo Nông nghiệp Việt Nam, Báo Nông thôn ngày nay tuyên truyền về Chương trình nông thôn mới và Chương trình OCOP của tỉnh Đắk Lắk; hỗ trợ 08 huyện xây dựng 29 bảng hiệu tuyên truyền về Chương trình nông thôn mới, Chương trình OCOP; đăng nhiều tin bài trên Trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở về cách làm hay, mô hình trồng trọt, chăn nuôi, HTX sản xuất giỏi; Duy trì và đăng tin bài, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trên trang Thông tin điện tử Chương trình nông thôn mới của tỉnh (tại địa chỉ trang thông tin điện tử <http://nongthonmoi.daklak.gov.vn/>).

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt việc xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn tổ chức thực hiện tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh; Tổ chức tuyên truyền về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại một số địa phương đăng ký hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền Ngày Đại đoàn kết các dân tộc (18/11) theo Kế hoạch phối hợp số 1642/KHPPH-SVHTTDL-MTTQ ngày 13/7/2020 giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh về thực hiện chương trình xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh giai đoạn 2021 - 2025.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan đăng tải các thông tin về công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, như: Quyết định số 1726/QĐ-UBND, ngày 03/8/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025; Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các văn bản liên quan khác... Chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương; phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thành - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 06 tháng năm 2021 trên địa bàn.

- Liên minh HTX tỉnh: đăng tải thông tin, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, giới thiệu quảng bá mô hình

Hợp tác xã (HTX) điển hình tiên tiến... trên trang thông tin điện tử của Liên minh HTX tỉnh. Phát hành 08 số Bản tin “HTX - doanh nghiệp vừa và nhỏ” với 4.550 bản. Thực hiện 03 phóng sự chuyên đề nhằm truyền truyền, hướng dẫn thực hiện Luật HTX, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, các HTX, THT lên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh. Phối hợp với Hội Nông dân huyện Ea Súp tổ chức 02 lớp tập huấn về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể cho 140 cán bộ xã, thôn, buôn và các tổ chức đoàn thể...

* Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Đắc Lắc chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2021 - 2025.

Thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5190/UBND-NNMT, ngày 11/6/2021 về việc kéo dài thời gian thực hiện một số văn bản của UBND tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trong năm 2021. Theo đó, Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 08/3/2017 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Đắc Lắc chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được kéo dài thực hiện trong năm 2021.

Thực hiện Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Đắc Lắc chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2021-2025. Sở Nội vụ ban hành Hướng dẫn số 2406/HD-SNV ngày 14/11/2022 về việc hướng dẫn khen thưởng thành tích trong Phong trào thi đua “Đắc Lắc chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025.

- Các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hướng dẫn kịp thời và tổ chức thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua; tập trung xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách và đề xuất các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới;

- Tháng 4 năm 2022, Tỉnh ủy Đắc Lắc đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011 về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020” và triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 về “Xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”. Tại Hội nghị, Tỉnh ủy đã tặng bằng khen cho 11 tập thể, 24 cá nhân và 03 hộ gia đình có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011 về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020”. UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 05 tập thể và 07 cá nhân có thành

tích xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới của thành phố Buôn Ma Thuột (tại Quyết định số 2801/QĐ-UBND, ngày 12/12/2022); tham mưu UBND tỉnh trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk, đã có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (tại Quyết định số 1237/QĐ-CTN, ngày 27/10/2022 của Chủ tịch nước về việc tặng thưởng Huân chương Lao động).

- Hạn chế: Tổ chức phong trào thi đua ở một số nơi chưa đi vào chiều sâu, còn chung chung, chưa sát với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan. Nhiều nơi chỉ tập trung cho khâu phát động ban đầu và khâu khen thưởng, còn việc đề ra các giải pháp tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá chưa được chú trọng, công tác phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng điển hình tiên tiến còn hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức. Sự quan tâm thực hiện Chương trình có nơi, có lúc còn thiếu sâu sát, chưa thường xuyên và chặt chẽ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu, còn trông chờ vào nguồn lực của nhà nước; kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều, còn khoảng cách lớn giữa các địa phương; việc tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách chưa thực sự quyết liệt, lúng túng, thiếu đồng bộ; tổ chức sản xuất trong nông nghiệp còn chưa liên kết bền vững, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn hạn chế; ở một số địa phương, việc xây dựng đời sống văn hóa còn hình thức...

- Kết quả thực hiện các chương trình chuyên đề:

* Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 07/04/2023.

* Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Công an tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 333/KH-CAT-PV05 ngày 11/11/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

* Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 01/12/2022 về Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

* Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

* Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

* Chương trình phát triển du lịch trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

5. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

- HĐND tỉnh đã thành lập Đoàn công tác, xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020. Kết quả: đã hoàn thành và ban hành Báo cáo số 151/BC-HĐND ngày 03/12/2021 của HĐND tỉnh.

- Tỉnh Đắk Lắk đã làm việc với Đoàn kiểm toán Chương trình PforR về Kiểm toán chuyên đề Chương trình “Hỗ trợ thực hiện hai chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và GNBV, giai đoạn 2016 - 2020” (niên độ 2020).

- Hàng năm, Ban Chỉ đạo tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã xây dựng kế hoạch và thành lập đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình OCOP tại một số địa phương nhằm đánh giá kết quả thực hiện và tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc.

- Thành viên Thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và các sở ngành đã tham dự Lễ Công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các xã theo kế hoạch đề ra.

6. Đánh giá chung

Nhìn chung, trong giai đoạn 2021 - 2022, mặc dù tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, sự cố gắng nỗ lực

của các ngành, các địa phương và toàn thể nhân dân kịp thời thích ứng với tình hình và đạt mục tiêu “kép” (vừa khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả). Đời sống nhân dân cơ bản ổn định, nhận thức của cán bộ, Đảng viên và người dân về Chương trình nông thôn mới ngày càng được nâng lên, hưởng ứng tích cực phong trào thi đua “Đắc Lắc chung tay xây dựng nông thôn mới”, hoàn thành đạt chỉ tiêu kế hoạch Chương trình nông thôn mới đã đề ra đến tháng 12/2022, cụ thể: các địa phương không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; lũy kế toàn tỉnh có: 79 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (*trong đó: 71 xã đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 08 xã đang lập hồ sơ trình xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022*); toàn tỉnh đạt 2.422 tiêu chí/2.888 tiêu chí (đạt tỷ lệ 83,9%), tăng 63 tiêu chí so với tháng 7/2021; bình quân toàn tỉnh đạt 15,93 tiêu chí/xã, tăng 0,41 tiêu chí so với tháng 7/2021...

- Có 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (*thành phố Buôn Ma Thuột đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận tại Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 24/6/2022*), giảm 01 đơn vị so với tháng 7/2021 là thị xã Buôn Hồ.

- Có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột)

- 05 huyện khó khăn của tỉnh (M'Drăk, Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông): mỗi huyện đã có ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Một số địa phương tập trung tốt công tác rà soát điều chỉnh Quy hoạch nông thôn, gồm: Thành phố Buôn Ma Thuột (7/8 xã), huyện Ea H'leo (7/11 xã), huyện Cư M'ngar (15/15 xã), Krông Pắc (01/15 xã) Krông Buk (01/7 xã),... các địa phương còn lại đang từng bước lập danh mục Kế hoạch triển khai thực hiện.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Do ảnh hưởng của “hậu” dịch bệnh COVID-19: nên ảnh hưởng đến nguồn thu sử dụng đất (là nguồn vốn ngân sách phân bổ để thực hiện Chương trình nông thôn mới), thiếu nguồn lao động để thi công dự án; hạn chế tập trung đông người, làm ảnh hưởng đến công tác kiểm tra, giám sát và triển khai thực hiện nhiệm vụ của Chương trình; số tiêu chí đạt tăng ít hơn cùng kỳ năm trước; ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống nên việc huy động người dân tham gia đóng góp gặp nhiều khó khăn. Cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh, giá cả một số sản phẩm nông sản (cây ăn trái) xuống thấp do không có đơn vị thu mua và vận chuyển nên ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân dân.

2. Về công tác phân bổ vốn:

Giai đoạn 2016 - 2020: tỉnh Đắk Lắk được Trung ương phân bổ 1.146 tỷ đồng (vốn đầu tư 883 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 263 tỷ đồng), bình quân phân bổ từ nguồn vốn Trung ương cho 01 xã đạt chuẩn là 7,5 tỷ đồng/5 năm (*trong khi nhu cầu huy động tất cả nguồn lực để 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới là 150 tỷ đồng/xã*).

Theo Công văn số 6418/BNN-VPĐP ngày 06/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT thì giai đoạn 2021 - 2025: tỉnh Đắk Lắk dự kiến được Trung ương phân bổ 1.572,012 tỷ đồng (vốn đầu tư 1.257,6 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 314,412 tỷ đồng).

Theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 được phân bổ 716,96 tỷ đồng (657,77 tỷ đồng và bổ sung 59,19 tỷ đồng) vốn đầu tư phát triển (bình quân là 4,7 tỷ đồng/xã/5 năm), như vậy: nguồn lực Trung ương bố trí thấp hơn giai đoạn 2016 - 2020 là 167 tỷ đồng và thấp hơn dự kiến của Bộ Nông nghiệp và PTNT là 541 tỷ đồng; trong khi để đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 thì yêu cầu cao hơn giai đoạn trước. Điều đó cho thấy, mục tiêu và yêu cầu đặt ra cho Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 cao hơn, nhưng nguồn vốn bố trí cho địa phương lại giảm hơn 1/3 so với giai đoạn trước. Ngoài ra, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ đề ra mục tiêu không còn xã dưới 15 tiêu chí.

Tỉnh Đắk Lắk đã nhiều lần kiến nghị với Trung ương khi xem xét các tiêu chí để phân bổ vốn cần tính đến yếu tố: Diện tích tự nhiên khu vực nông thôn, tổng số km đường giao thông nông thôn cần đầu tư, tỷ lệ hộ nghèo, tổng số hộ nghèo, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số... để đảm bảo công bằng giữa các vùng, địa phương, nếu không khoảng cách chênh lệch (tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM) giữa vùng miền núi và vùng đồng bằng ngày càng lớn, nhưng giai đoạn 2021-2025 chưa được các Bộ ngành xem xét.

Đắk Lắk là tỉnh miền núi, diện tích rộng, dân cư ở phân tán, thưa thớt, có 54 xã thuộc khu vực III nên việc thực hiện các tiêu chí về cơ sở hạ tầng nông thôn là rất khó đạt chuẩn, đặc biệt là tỉnh hiện có hơn 16.000 km đường giao thông các loại, trong đó chỉ mới gần 50% đạt chuẩn. Ngoài ra, tỷ lệ xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới còn cao và đều là những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nên cần nguồn lực đầu tư rất lớn và rất khó đạt mục tiêu không còn xã dưới 15 tiêu chí theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Vì vậy, tỉnh Đắk Lắk rất cần Trung ương quan tâm, tăng cường hỗ trợ thêm nguồn lực, để tỉnh phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch Chương trình đề ra trong giai đoạn 2021 - 2025.

3. Mặc dù, tháng 3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 nhưng đến quý IV/2022 các Bộ ngành Trung ương mới cơ bản ban hành hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nên địa phương còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện và chậm trong công tác ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình như: xây dựng kế hoạch, ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh, quy định các định mức hỗ trợ thực hiện, kế hoạch các Chương trình chuyên đề... dẫn đến các địa phương chậm trong công tác rà soát, đánh giá các tiêu chí nông thôn mới của huyện và của tỉnh; bên cạnh đó, thời gian còn lại của cả giai

đoạn là rất ít để các Sở, ngành của tỉnh nghiên cứu, tham mưu xây dựng các văn bản hướng dẫn, áp dụng vào thực tiễn của địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025.

4. Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng chung nông thôn của các xã trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm sâu sát, đặc biệt là rà soát, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí giao thông và đề xuất nhu cầu kinh phí để thực hiện còn quá chậm làm ảnh hưởng đến quá trình triển khai xây dựng các Chương trình MTQG nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng. Ngoài ra, một số xã đã đạt tiêu chí số 02 về Giao thông, tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều... của giai đoạn 2016 - 2020 nhưng theo quy định của Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thì chưa đạt. Vì vậy, các địa phương cần phải thực hiện rà soát, đề ra giải pháp, huy động nguồn lực để giữ vững các tiêu chí và danh hiệu xã đạt chuẩn nông thôn mới; trường hợp các xã không đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí và đủ điều kiện thu hồi Quyết định công nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ thì phải thực hiện trình tự, hồ sơ thu hồi theo quy định rất nhiều thủ tục.

5. Một số vướng mắc khi thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính: Một số nội dung của giai đoạn 2016 - 2020 chưa được hướng dẫn thực hiện về nội dung chi: Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ công chức xã; Công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Xây dựng, duy trì, phát triển, nâng cấp trang thông tin điện tử về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Công tác thông tin truyền thông, kiểm tra, giám sát, đánh giá về Chương trình OCOP. Ngày 12/8/2022, Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư, nhưng hầu hết quy định về nội dung chi để thực hiện các hoạt động đều yêu cầu: UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ nên một số nội dung không thể thực hiện trong năm 2022 và rất khó để triển khai thực hiện trong những năm tiếp theo (tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 20...).

6. Hiện nay, toàn tỉnh còn 73 xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới (chủ yếu là các xã thuộc khu vực III), có điều kiện kinh tế xã hội rất khó khăn nên nhu cầu cần nguồn kinh phí lớn để cơ bản hoàn thiện tiêu chí về nông thôn mới nói chung và tiêu chí về cơ sở hạ tầng nói riêng; nếu nguồn lực hỗ trợ không đảm bảo thì rất khó khăn cho các địa phương hoàn thành mục tiêu kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo chỉ tiêu kế hoạch mà Thủ tướng Chính phủ đã giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022.

7. Chương trình OCOP khi triển khai trên diện rộng, nảy sinh nhiều vấn đề mới, trong đó một số địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt; chưa bổ sung, phân công nhiệm vụ cụ thể, chưa chú ý đến hiệu quả của Chương trình, nhất là việc chưa khơi dậy được tiềm năng, lợi thế của khu vực nông thôn; cán bộ các cấp chưa được tiếp nhận nhiều thông tin liên quan đến Chương trình OCOP; các chủ thể còn lúng túng khi tiếp cận với Chương trình OCOP (Bộ tiêu chí, trình tự, thủ

tục đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP...); cán bộ triển khai Chương trình OCOP chủ yếu phụ trách lĩnh vực nông nghiệp nên hạn chế các lĩnh vực khác (Y tế, Văn hóa, Du lịch, thương mại...).

8. Sự biến động tăng của giá vật liệu xây dựng nên khó khăn trong công tác lập hồ sơ thiết kế để phù hợp với nguồn vốn được bố trí.

9. Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông thôn cấp huyện, xã chưa được quan tâm và do nguồn lực, kinh phí tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch còn hạn chế.

10. Đối với tiêu chí số 2 về Giao thông: nhu cầu nguồn vốn đầu tư rất lớn; các địa phương đề xuất đầu tư còn dàn trải, chưa tập trung nguồn lực; hầu hết hệ thống đường giao thông nông thôn theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới có sự sai khác với thực tế rất nhiều, số liệu báo cáo không nhất quán, gây khó khăn cho công tác tổng hợp báo cáo; công tác duy tu, bảo dưỡng chưa được quan tâm.

11. Đối với tiêu chí số 3 về Thủy lợi: cơ sở hạ tầng công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu bị xuống cấp hư hỏng, hệ thống kênh mương chưa được kiên cố hóa nhiều; vấn đề nhận thức và kỹ năng phòng, chống thiên tai của người dân còn hạn chế. Việc phòng ngừa, ứng phó thiên tai của người dân còn thiếu chủ động.

12. Đối với tiêu chí số 4 về Điện: việc đầu tư xây dựng lưới điện chủ yếu là việc lồng ghép từ các dự án đang được triển khai trên địa bàn là chính nên việc phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch còn phụ thuộc vào khả năng bố trí vốn cho các dự án.

13. Đối với tiêu chí số 5 về Trường học: thiếu nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia.

14. Đối với tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa: Kinh phí bố trí để đầu tư, mua sắm, trang thiết bị bên trong và các công trình phụ trợ cho Nhà văn hóa xã sau khi xây dựng xong quá ít không đảm bảo thiết chế văn hóa theo quy định. Hầu hết các xã chưa có quỹ đất để bố trí cho khu vui chơi, giải trí cũng như trang bị một số trang thiết bị tối thiểu phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, cho mọi người dân đến tham gia; chưa tạo tạo môi trường lành mạnh, an toàn, phát triển toàn diện cho trẻ em, nâng cao kỹ năng sống cũng như công tác bảo vệ sức khỏe cho người cao tuổi.

15. Đối với tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chợ): gặp khó khăn về nguồn vốn do chủ yếu huy động từ nguồn xã hội hóa.

16. Đa số các xã trên địa bàn tỉnh đánh giá chưa đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều ($\leq 8,5\%$). Lý do: tỷ lệ hộ nghèo đa chiều được tính bằng tổng của tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo (theo Báo cáo của Sở Lao động TBXH thì năm 2022 chỉ có 36/152 xã đạt tiêu chí số 11, như vậy một số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới cũng phải tiếp tục hoàn thiện tiêu chí này trong thời gian tới).

17. Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp đã có chuyển biến nhưng còn hạn chế về hiệu quả hoạt động; liên kết sản xuất với người dân chưa bền vững,

tiềm ẩn nhiều rủi ro trong sản xuất nông nghiệp; chưa hình thành được nhiều chuỗi liên kết sản xuất bền vững; hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Hợp tác xã nông nghiệp đang gặp khó khăn về vốn, về quản trị, quy mô sản xuất nhỏ, kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, thiếu tính chiến lược; nhiều địa phương đã xác định được sản phẩm chủ lực để tập trung phát triển nhưng thiếu sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã...

18. Công tác xử lý chất thải rắn chưa được phân loại và chôn lấp theo đúng quy định, chưa có hệ thống xử lý nước rỉ rác mà mới chỉ dừng lại ở mức độ thu gom, vận chuyển, đổ và san ủi. Việc chôn lấp không đảm bảo vệ sinh đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước và làm phát sinh các khí gây mùi hôi ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe của người dân gần các bãi chôn lấp.

19. Một số đơn vị cấp tỉnh được giao phụ trách tiêu chí nông thôn mới chưa thực hiện công tác tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí do đơn vị phụ trách; và chưa có sự phối hợp cung cấp số liệu của một số đơn vị trong cùng một tiêu chí.

20. Một số cán bộ làm công tác nông thôn mới của cấp huyện, cấp xã thường xuyên biến động và hầu hết là kiêm nhiệm nên việc cập nhật số liệu, theo dõi tổng hợp báo cáo của các địa phương đôi khi còn chậm.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét tham mưu Thủ tướng Chính phủ tăng cường nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh Đắk Lắk (*tương đương hoặc cao hơn so với giai đoạn 2016 - 2020*), để tỉnh phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đề ra trong giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đề nghị Bộ Tài chính sớm thông báo tổng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đắk Lắk (*theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 501/CD-TTg ngày 10/6/2022*).

3. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung một số nội dung chi thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022: Công tác theo dõi, đánh giá Bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã; Xây dựng, duy trì, phát triển, nâng cấp trang thông tin điện tử về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Công tác thông tin truyền thông, chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiểm tra, giám sát, đánh giá về Chương trình OCOP; Xây dựng và cấp phát thiết kế - dự toán mẫu để thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình nông thôn mới.

4. Đề nghị các Bộ ngành Trung ương có hướng dẫn đơn giản về phương pháp đánh giá thu nhập bình quân đầu người, thống nhất cách thống kê các nguồn lực thực hiện Chương trình, đặc biệt là đối với nguồn vốn tín dụng, nguồn

vốn huy động từ cộng đồng dân cư, nguồn huy động khác; ngoài ra, đề nghị Bộ Lao động TBXH xem xét điều chỉnh cách đánh giá xã đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

5. Đề nghị các Bộ ngành Trung ương xem xét tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu đối với thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới **để các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện** Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới.

6. Đề nghị các Bộ ngành Trung ương tổ chức các hội thảo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về từng nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; tổ chức tham quan, học tập những cách làm hay, mô hình mới, để tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác nông thôn mới trao đổi kinh nghiệm về triển khai thực hiện Chương trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN&PTNT (báo cáo);
- VPĐP NTM TƯ (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg8b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục I
HỆ THỐNG VĂN BẢN TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH ĐẮK LẮK
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

STT	Loại văn bản	Trích yếu
A	Văn bản của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh	
1	Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy	Về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030
2	Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 13/4/2022 của Tỉnh ủy	Kế hoạch tổ chức Hội nghị chuyên đề Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 22/4/2011 và triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk
3	Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh	Về việc quy định mức vốn đối ứng từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
4	Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh	Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025
5	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 của HĐND tỉnh	Về Phương án phân bổ vốn ĐTPT từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, kế hoạch năm 2022
6	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh	Về chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
7	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh	Về việc phân bổ dự toán vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2022
8	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của HĐND tỉnh	Về giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, kế hoạch năm 2022

STT	Loại văn bản	Trích yếu
9	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND tỉnh	Về giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT năm 2023 nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
10	Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh	Về Kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2021
11	Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh	Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đắk Lắk
12	Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh	Về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk
13	Công văn số 8954/UBND-TH ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021-2025
14	Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh	Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025
15	Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025
16	Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025
17	Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh	Phê duyệt Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025
18	Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh	Ban hành danh mục dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh
19	Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Danh mục các dự án thuộc lĩnh vực dân dụng được áp dụng cơ chế đặc thù để quản lý đầu tư xây dựng trong các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025
20	Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh	Ban hành danh mục dự án thuộc lĩnh vực đường giao thông nông thôn được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025

STT	Loại văn bản	Trích yếu
21	Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030
22	Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
23	Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh	Phê duyệt Đề án xây dựng trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2035
24	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030
25	Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh	Về việc giao kế hoạch vốn ĐTPT từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, kế hoạch năm 2022
26	Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh	Về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021 - 2025
27	Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh	Về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022
28	Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh	Về chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
29	Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh	Về giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn ĐTPT nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, kế hoạch năm 2022
30	Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh	Về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022
31	Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025
32	Công văn số 4033/UBND-TH ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh	Giao nhiệm vụ triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ

STT	Loại văn bản	Trích yếu
33	Công văn số 8293/UBND-TH ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh	Thống nhất giao chủ đầu tư và phân công nhiệm vụ lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG, kế hoạch năm 2022
34	Công văn số 1703/UBND-NNMT ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh	Về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
35	Công văn số 2401/UBND-TH ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh	Về việc thực hiện Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ
36	Công văn số 3040/UBND-NNMT ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh	Về việc giao nhiệm vụ tham mưu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
37	Công văn số 4078/UBND-NNMT ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh	Về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh
38	Báo cáo số 35/BC-BCĐ ngày 21/3/2022 của Ban Chỉ đạo tỉnh	Về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 và kế hoạch triển khai năm 2022
39	Báo cáo số 86/BC-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh	Về tình hình triển khai thực hiện các Chương trình MTQG năm 2021 và dự kiến kế hoạch thực hiện năm 2022
40	Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh	Về thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho thành phố Buôn Ma Thuột năm 2020
B	Văn bản của các Sở, ngành	
1	Hướng dẫn số 204/HD-CAT-PV05 ngày 08/9/2022 của Công an tỉnh	Đánh giá xã đạt các tiêu chí về an ninh, trật tự đối với xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, huyện NTM, huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025
2	Kế hoạch số 222/KH-SYT ngày 14/10/2022 của Sở Y tế	Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
3	Công văn số 999/SLĐTBXH-BTXH ngày 06/5/2022 của Sở Lao động TB và XH	Triển khai thực hiện tiêu chí số 18.5 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật
4	Công văn số 1098/STP-PBGDPL ngày 30/9/2022 của Sở Tư pháp	Triển khai, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc các Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

STT	Loại văn bản	Trích yếu
5	Công văn số 1288/SCT-QLTM ngày 23/9/2022 của Sở Công thương	Hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (tiêu chí số 7 cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn)
6	Công văn số 1374/SCT-QLCN ngày 13/10/2022 của Sở Công thương	Triển khai Quyết định số 1957/QĐ-BCT ngày 28/9/2022 của Bộ Công thương
7	Công văn số 1528/SGTVT-QLCL ngày 05/9/2022 của Sở Giao thông VT	Hướng dẫn triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về giao thông trong các Bộ tiêu chí xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025
8	Hướng dẫn số 1731/HD-SVHTTDL ngày 07/9/2022 của Sở Văn hóa TT và DL	Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và Du lịch
9	Hướng dẫn số 2054/BCH-PTM ngày 14/9/2022 của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025
10	Hướng dẫn số 2059/HD-SNV ngày 30/9/2022 của Sở Nội vụ	Trình tự, quy trình thủ tục đánh giá tiêu chí huyện nông thôn mới, xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
11	Hướng dẫn số 2424/SLĐTBXH-LĐVLGDNN ngày 07/10/2022 của Sở Lao động TB và XH	Hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí 12.3 (Tỷ lệ lao động việc làm trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn) thuộc tiêu chí số 12 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
12	Hướng dẫn số 2888/STNMT-MT ngày 13/10/2022 của Sở Tài nguyên và MT	Hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
13	Hướng dẫn số 3537/SNN-PTNT ngày 25/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT	Xây dựng nội dung hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025
14	Hướng dẫn số 3209/STNMT-MT ngày 07/11/2022 của Sở Tài nguyên và MT	Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 17 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025
15	Công văn số 2237/STTTT-BCVT ngày 15/12/2022 của Sở Thông tin và TT	Hướng dẫn tiêu chí, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025

STT	Loại văn bản	Trích yếu
16	Công văn số 2338/STTTT-BCVT ngày 28/12/2022 của Sở Thông tin và TT	Hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu về thông tin và truyền thông của bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ NÔNG THÔN MỚI TỪ THÁNG 7/2021 - THÁNG 12/2022

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện bộ tiêu chí về NTM				Ghi chú
					Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
I	Bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn NTM	xã	2.594	2.482	2.432	2.422	2.506		
1	Quy hoạch		152	152	152	145	152		
2	Giao thông		126	114	105	106	114		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		141	138	137	139	140		
4	Điện		149	144	144	139	144		
5	Trường học		125	119	118	119	119		
6	Cơ sở vật chất văn hóa		111	98	86	90	98		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		139	126	123	128	130		
8	Thông tin và truyền thông		150	148	148	149	150		
9	Nhà ở dân cư		135	128	128	130	135		
10	Thu nhập		107	93	88	91	93		
11	Nghèo đa chiều		107	96	90	87	96		
12	Lao động		152	151	151	147	151		
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		136	127	124	120	127		
14	Giáo dục và đào tạo		152	151	151	150	151		
15	Y tế		152	152	152	142	152		
16	Văn hóa		141	136	135	142	145		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm		116	107	104	100	107		
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		151	150	147	148	150		

TT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện bộ tiêu chí về NTM				Ghi chú
					Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
19	Quốc phòng và An ninh		152	152	149	150	152		

Phụ lục III

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐẮK LẮK TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 12/2022

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM				Ghi chú
				Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
I	Tổng số đơn vị cấp huyện thực hiện XD NTM trên địa bàn	15	15	15	15	15		
	<i>Trong đó</i>							
-	Số đơn vị cấp huyện đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	4	1	0	1	1		
-	Số đơn vị cấp huyện đã hoàn thành thủ tục họp Hội đồng thẩm định Trung ương (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ)	0	0	0	0	0		
-	Số đơn vị cấp huyện đang triển khai thủ tục trình TTCP công nhận đạt chuẩn ở cấp tỉnh (<i>đề nghị ghi rõ tên đơn vị cấp huyện</i>)	0	0	1	0	0		Thành phố Buôn Ma Thuột
II	Kết quả thực hiện xây dựng NTM cấp xã							
1	Tổng số xã thực hiện XD NTM trên địa bàn (không bao gồm các thị trấn)	152	152	152	152	152		
1.1	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	54	54	54	54	54		

TT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM				Ghi chú
				Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
1.2	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững	0	0	0	0	0		
1.3	Số xã còn lại	98	98	98	98	98		
2	Số xã đạt 19 tiêu chí	100	79	71	79	86		
2.1	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM	100	79	71	71	86		
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	14	0	0	0	1		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững	0	0	0	0	0		
-	Số xã còn lại	86	79	71	71	85		
2.2.	Số xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM	0	0	0	8	0		
-	Số xã khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	0	0	0	0	0		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững	0	0	0	0	0		
-	Số xã còn lại	0	0	0	8	0		

TT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM				Ghi chú
				Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
2.3	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	30	1	1	0	5		
2.4	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	5	0	0	0	0		
3	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí		17	25	17	10		
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		6	6	6	5		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		0	0	0	0		
-	Số xã còn lại		11	19	11	5		
4	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí		49	53	49	50		
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		45	45	45	46		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		0	0	0	0		
-	Số xã còn lại		4	8	4	4		
5	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí		7	3	7	6		
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		3	3	3	2		

TT	Nội dung	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM				Ghi chú
				Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch thực hiện năm 2023	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		0	0	0	0		
-	Số xã còn lại		4	0	4	4		
III	Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn, buôn		10	10	10	10		
1	Số đơn vị cấp thôn thuộc các xã ĐBKK được công nhận đạt chuẩn NTM		10	10	10	10		
2	Số thôn, buôn còn lại được công nhận đạt chuẩn NTM <i>(nếu có)</i>		0	0	0	0		
3	Số thôn, buôn được công nhận NTM kiểu mẫu <i>(nếu có)</i>		0	0	0	0		

Phụ lục IV

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA TỈNH ĐẮK LẮK

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

TT	Đối tượng được phân bổ vốn ngân sách trung ương	ĐVT	Số lượng đơn vị được phân bổ vốn NSTW	Định mức phân bổ vốn NSTW/đối tượng (Triệu đồng)	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025 (Triệu đồng)	Trong đó				Ghi chú
						Tổng vốn đầu tư phát triển	Bao gồm		Kinh phí sự nghiệp	
							Vốn đầu tư phát triển	Vốn nước ngoài		
	TỔNG CỘNG		156		657.770	657.770	657.770	-	-	
1	Huyện phân đầu đạt chuẩn NTM	huyện	4		17.970	17.970	17.970			Đề án
2	Xã Khu vực III vùng DTTS&MN; xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	xã	14		100.730	100.730	100.730			KH
3	Xã ATK (không thuộc địa bàn được hỗ trợ của 02 Chương trình MTQG còn lại)	xã	0		-	-	-			
4	Xã dưới 15 tiêu chí	xã	46		330.970	330.970	330.970			KH
5	Xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	21		151.100	151.100	151.100			KH
6	Xã đạt chuẩn NTM	xã	71		57.000	57.000	57.000			Đề án

Phụ lục V

**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐẮK LẮK
TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 12/2022**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2021 -2025	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình				Ghi chú
				Kết quả huy động từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Kết quả huy động năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
	TỔNG SỐ	18.494.280	9.255.103	4.357.618	4.897.485	4.633.352		
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	801.961	295.881	25.171	270.710	207.676		
2	Đầu tư phát triển	657.770	225.840	-	225.840	162.000		
2.1	Vốn trong nước	657.770	225.840	-	225.840	162.000		
2.2	Vốn nước ngoài (Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn ADB)		-					
3	Sự nghiệp	144.191	70.041	25.171	44.870	45.676		
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.044.491	383.059	125.574	257.485	225.676		
1	Tỉnh	1.044.491	383.059	125.574	257.485	225.676		
2	Huyện							
3	Xã							
III	VỐN LÒNG GHEP	5.133.848	2.634.873	1.134.873	1.500.000	1.500.000		
IV	VỐN TÍN DỤNG	8.460.148	5.099.290	3.000.000	2.099.290	2.000.000		
V	VỐN DOANH NGHIỆP	2.223.519	600.000		600.000	600.000		
VI	HUY ĐỘNG TỪ NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG	830.313	242.000	72.000	170.000	100.000		
1	Tiền mặt							
2	Ngày công và hiện vật quy đổi							

Phụ lục VI

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 12/2022

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Tổng kế hoạch vốn ĐTPT được giao từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2023	Kết quả thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023	Kết quả thực hiện vốn đầu tư phát triển từ NSTW				Ghi chú
				Từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch được giao năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	
			T = (1) +(2) +(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	
	TỔNG CỘNG	387.840	225.840	-	225.840	162.000	-	
1	Giao thông	311.916	175.177		175.177	136.739		
2	Thủy lợi	50.644	31.164		31.164	19.480		
3	Phòng chống, thiên tai	-	-					
4	Điện	-	-					
5	Trường học	-	-					
6	CSVC Văn hóa	17.630	13.749		13.749	3.881		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	-	-					
8	CSHT vùng nguyên liệu tập trung	-	-					
9	Trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện	-	-					
10	Hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn	-	-					
11	Công trình cung cấp nước sạch tập trung	7.650	5.750		5.750	1.900		
12	CSHT bảo vệ môi trường nông thôn; các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện); hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	-	-					
13	Khác (nếu có)	-	-					

Phụ lục VII
KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NTM TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 12/2022
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung thực hiện (<u>Đề nghị bổ sung chi tiết theo từng nội dung cụ thể của từng nội dung thành phần</u>)	Khối lượng	Dự kiến huy động giai đoạn 2021 -2025								Khối lượng	Kết quả huy động từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023							
			Thành tiền							Thành tiền									
			Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp		Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp
				Tổng số	NSTW								NSDP	Tổng số	NSTW				
				ĐTPT	SN								ĐTPT	SN					
	Tổng cộng																		
1	Nội dung TP số 01																		
2	Nội dung TP số 02																		
3	Nội dung TP số 03																		
	Trong đó																		
	Chương trình KHCN phục vụ XD NTM giai đoạn 2021-2025																		
	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025																		
	Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM																		
4	Nội dung TP số 04																		
5	Nội dung TP số 05																		
6	Nội dung TP số 06																		
7	Nội dung TP số 07																		
	Trong đó																		
	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM																		
8	Nội dung TP số 08																		
	Trong đó																		
	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh																		
9	Nội dung TP số 09																		
10	Nội dung TP số 10																		
	Trong đó																		
	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM																		
11	Nội dung TP số 11																		

TT	Nội dung thực hiện (<u>Đề nghị bổ sung chi tiết theo từng nội dung cụ thể của từng nội dung thành phần</u>)	Dự kiến huy động giai đoạn 2021 -2025									Kết quả huy động từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2023										
		Khối lượng	Thành tiền								Khối lượng	Thành tiền									
			Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp		Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp		
				Tổng số	NSTW								NSDP	Tổng số	NSTW					NSDP	
					ĐTPT	SN									ĐTPT						SN
12	Kinh phí chi hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp việc BCĐ các cấp																				
13	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã																				
14	Nội dung khác (nếu có)																				

PHỤ LỤC SỐ 08

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NTM TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 6/2023

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện (<u>Đề nghị bổ sung chi tiết theo nội dung cụ thể của từng nội dung thành phần</u>)	Kết quả huy động và thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021										Kết quả huy động và thực hiện năm 2022									
		Khối lượng	Thành tiền								Khối lượng	Thành tiền									
			Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp		Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp		
				Tổng số	NSTW								NSDP	Tổng số	NSTW					NSDP	
					ĐTPT	SN								ĐTPT	SN						
	Tổng cộng																				
1	Nội dung TP số 01																				
2	Nội dung TP số 02																				
3	Nội dung TP số 03																				
	Trong đó																				
	Chương trình KHCN phục vụ XD NTM giai đoạn 2021-2025																				
	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025																				
	Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM																				
4	Nội dung TP số 04																				
5	Nội dung TP số 05																				
6	Nội dung TP số 06																				
7	Nội dung TP số 07																				
	Trong đó																				
	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM																				
8	Nội dung TP số 08																				
	Trong đó																				
	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh																				
9	Nội dung TP số 09																				
10	Nội dung TP số 10																				
	Trong đó																				
	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM																				
11	Nội dung TP số 11																				

TT	Nội dung thực hiện (<u>Đề nghị bổ sung chi tiết theo từng nội dung cụ thể của từng nội dung thành phần</u>)	Kết quả huy động và thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 12/2021										Kết quả huy động và thực hiện năm 2022										
		Khối lượng	Thành tiền									Khối lượng	Thành tiền									
			Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp					Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp		Dân góp	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp
				Tổng số	NSTW		NSDP	Tổng số							NSTW		NSDP					
					ĐTPT	SN									ĐTPT	SN						
12	Kinh phí chi hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp việc BCĐ các cấp																					
13	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã																					
14	Nội dung khác (nếu có)																					

PHỤ LỤC SỐ 08

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NTM TỪ THÁNG 7/2021 ĐẾN THÁNG 6/2023

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện (<u>Đề nghị bổ sung chi tiết theo nội dung cụ thể của từng nội dung thành phần</u>)	Khối lượng	Kế hoạch huy động và thực hiện năm 2023									Kết quả huy động và thực hiện 6 tháng đầu năm 2023									Ghi chú
			Thành tiền							Thành tiền											
			Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp			Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp			
				Tổng số	NSTW							NSDP	Tổng số	NSTW					NSDP		
	Tổng cộng																				
1	Nội dung TP số 01																				
2	Nội dung TP số 02																				
3	Nội dung TP số 03																				
	Trong đó																				
	Chương trình KHCN phục vụ XD NTM giai đoạn 2021-2025																				
	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025																				
	Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM																				
4	Nội dung TP số 04																				
5	Nội dung TP số 05																				
6	Nội dung TP số 06																				
7	Nội dung TP số 07																				
	Trong đó																				
	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM																				
8	Nội dung TP số 08																				
	Trong đó																				
	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh																				
9	Nội dung TP số 09																				
10	Nội dung TP số 10																				
	Trong đó																				
	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM																				
11	Nội dung TP số 11																				

TT	Nội dung thực hiện (<u>Đề nghị bổ sung chi tiết theo từng nội dung cụ thể của từng nội dung thành phần</u>)	Kế hoạch huy động và thực hiện năm 2023										Kết quả huy động và thực hiện 6 tháng đầu năm 2023										Ghi chú
		Khối lượng	Thành tiền									Khối lượng	Thành tiền									
			Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp		Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	
				Tổng số	NSTW		NSDP							Tổng số	NSTW		NSDP					
					ĐTPT	SN									ĐTPT	SN						
12	Kinh phí chi hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp việc BCĐ các cấp																					
13	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã																					
14	Nội dung khác (nếu có)																					